

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**HÀ THỊ BIA**

**HỢP TÁC GIÁO DỤC, VĂN HÓA**  
**VIỆT NAM - THÁI LAN (1986 - 2015)**

**LỊCH SỬ VIỆT NAM**  
**Mã số: 8229013**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. KIM NGỌC THU TRANG**

**THÁI NGUYÊN - 2018**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu: *“Hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam – Thái Lan (1986 – 2015)* dưới sự hướng dẫn của TS. **Kim Ngọc Thu Trang** là kết quả nghiên cứu của cá nhân tôi, kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực chưa được công bố.

*Thái Nguyên, ngày 18 tháng 4 năm 2018*

**Tác giả luận văn**

**Hà Thị Bìa**

## LỜI CẢM ƠN

Trước tiên tác giả luận văn xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô giáo - TS Kim Ngọc Thu Trang đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tác giả trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Tác giả xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong bộ môn Lịch sử Việt Nam và Thế giới khoa Lịch sử trường ĐHSP Thái Nguyên, đã chỉ bảo tận tình, động viên, khích lệ tác giả trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Trong thời gian thực hiện luận văn, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ban Thái Lan, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á và một số cơ quan khác đã cung cấp tư liệu để tác giả hoàn thành luận văn. Cuối cùng, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, giúp đỡ tác giả trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

*Thái Nguyên, tháng 4 năm 2018*

**Tác giả luận văn**

**Hà Thị Bia**

# MỤC LỤC

**Trang**

## **Trang bìa phụ**

Lời cam đoan .....	i
Lời cảm ơn .....	ii
Mục lục .....	iii
Danh mục các từ viết tắt .....	iv
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề .....	2
3. Đối tượng, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu .....	5
4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu .....	6
5. Đóng góp của luận văn .....	7
6. Cấu trúc của luận văn .....	7
<b>Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ HỢP TÁC GIÁO DỤC, VĂN HÓA VIỆT NAM - THÁI LAN TRƯỚC NĂM 1986</b> .....	<b>8</b>
1.1. Vài nét về cơ sở hình thành quan hệ hợp tác Việt Nam - Thái Lan .....	8
1.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên .....	8
1.1.2. Kinh tế - văn hóa .....	9
1.1.3. Quan hệ tộc người .....	11
1.2. Quan hệ Việt Nam - Thái Lan trước năm 1986 .....	14
1.2.1. Giai đoạn trước năm 1945 .....	14
1.2.2. Giai đoạn 1945 - 1975 .....	16
1.2.3. Giai đoạn 1976 - 1986 .....	19
Tiểu kết .....	21
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG HỢP TÁC GIÁO DỤC, VĂN HÓA VIỆT NAM - THÁI LAN (1986 - 2015)</b> .....	<b>22</b>
2.1. Hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1986 - 1995) .....	22

2.1.1. Bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình hai nước Việt Nam - Thái Lan .....	22
2.1.2. Chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường hợp tác giáo dục, văn hóa giữa hai nước .....	28
2.1.3. Tình hình hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1986 - 1995) .....	30
2.2. Hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1996 - 2015) .....	33
2.2.1. Những chuyển biến mới của tình hình quốc tế, khu vực và hai nước Việt Nam - Thái Lan.....	33
2.1.2. Chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường hợp tác giáo dục, văn hóa giữa hai nước .....	35
2.2.3. Tình hình hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1996 - 2015) .....	36
Tiểu kết .....	63
<b>Chương 3. ĐÁNH GIÁ VÀ TRIỂN VỌNG HỢP TÁC GIÁO DỤC, VĂN HÓA VIỆT NAM - THÁI LAN.....</b>	<b>64</b>
3.1. Một vài nhận xét về hợp tác giáo dục, văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan...	65
3.1.1. Thành công .....	65
3.1.2. Hạn chế .....	67
3.2. Kiến nghị .....	68
3.3. Triển vọng hợp tác giáo dục, văn hóa giữa hai nước. ....	69
Tiểu kết .....	70
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>72</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>75</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

AIT	: Viện công nghệ châu Á
ASEAN	: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ĐHKHXH&NV	: Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn
GASS	: Học viện Khoa học Xã hội
Gs	: Giáo sư
MOU	: Bản ghi nhớ hợp tác
Nxb	: Nhà xuất bản
SASICT	: Trung tâm hỗ trợ quốc tế về nghệ thuật và đồ đan Thái Lan
TS	: Tiến sĩ
UBRU	: Trường Đại học Ubon Rachathani Rajabat
UDRU	: Trường Đại học Udon Rani Rajabhat
Tr	: Trang

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Toàn cầu hóa là xu thế chính trong đời sống quan hệ quốc tế hiện nay. Xu thế này vừa là thời cơ vừa là thách thức nếu các nước không chủ động hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Cùng với đó, quan hệ hợp tác song phương và đa phương luôn là nhiệm vụ quan trọng được ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia và khu vực. Xu hướng vận động trên của thế giới vừa tạo môi trường thuận lợi vừa là động lực thúc đẩy cho mối quan hệ giữa các nước phát triển, trong đó có quan hệ hợp tác song phương giữa Việt Nam và Thái Lan.

Trong lịch sử, mối quan hệ giữa cư dân Việt - Thái được hình thành từ rất sớm và luôn là nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển của mỗi nước cũng như khu vực. Quan hệ Việt - Thái làm mối quan hệ có ảnh hưởng trên bán đảo Đông Dương trước thời Pháp thuộc, là mối quan hệ khá phức tạp trong thời kỳ chủ nghĩa thực dân và là trục chính của mối quan hệ Đông Dương - ASEAN trong thời kỳ Chiến tranh lạnh.

Từ nửa sau những năm 1980, trước những biến đổi của tình hình thế giới, xu thế hòa hoãn bắt đầu phát triển mạnh trong quan hệ quốc tế ở các nước Đông Nam Á. Thái Lan đã có bước chuyển trong chính sách ngoại giao theo hướng ưu tiên phục vụ cho các nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước. Trong cuộc họp báo ngày 22 - 12 - 1988 tại Băng Cốc, Thủ tướng Thái Lan Chatichai Choonhavan đã khẳng định: "*Việc xích lại gần với Việt Nam là một trong những ưu tiên hàng đầu của tôi*" [34, tr.58] và với tuyên bố nổi tiếng "*Biển Đông Dương từ chiến trường thành thị trường*" của ông đã đưa quan hệ Việt - Thái dần được khôi phục, cải thiện.

Thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VI đề ra (1986), trong công tác đối ngoại, Đảng ta khẳng định: "*Chúng ta mong muốn và sẵn sàng cùng các nước trong khu vực thương lượng để giải quyết các vấn đề ở Đông Nam Á, thiết lập quan hệ cùng tồn tại hòa bình, xây dựng Đông*

*Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác" [7, tr.108], quan hệ đối ngoại của Việt Nam ngày càng được mở rộng và phát triển.*

Tháng 7 - 1995, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN. Từ đây, quan hệ giữa Việt Nam với các nước ASEAN nói chung và Thái Lan nói riêng bước sang một trang mới - Quan hệ giữa các nước thành viên của một tổ chức hợp tác khu vực. Nhằm hướng tới xây dựng một cộng đồng ASEAN hùng mạnh tự cường vào năm 2020, Hội nghị cấp cao ASEAN 9 (10 - 2003) đã đưa ra ba trụ cột lớn: *Cộng đồng chính trị - an ninh, Cộng đồng kinh tế và Cộng đồng văn hóa - xã hội*. Muốn đạt được mục tiêu đề ra, các nước ASEAN cần tăng cường đẩy mạnh hợp tác giao lưu trên nhiều lĩnh vực, trong đó có hợp tác giáo dục, văn hóa.

Mặc dù quá khứ đã để lại ảnh hưởng nhất định, song trước những biến đổi của tình hình thế giới và sự chuyển biến nội tại ở mỗi nước, quan hệ Việt Nam - Thái Lan đã bắt đầu khởi động lại và phát triển theo hướng tích cực, đẩy mạnh hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục và văn hóa, coi đó là một trong những yếu tố thuận lợi để hai nước có điều kiện gần gũi, tiếp xúc và vượt qua những nghi kị xa cách do quá khứ để lại. Việc nghiên cứu về hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan từ năm 1986 đến năm 2015 không chỉ góp phần làm rõ về lịch sử hình thành và phát triển quan hệ giữa hai nước mà quan trọng hơn là đi sâu nghiên cứu về quá trình đẩy mạnh hợp tác giáo dục, văn hóa, sự giao thoa văn hóa Việt - Thái, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mang tính chất tham khảo nhằm thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác Việt - Thái ngày càng bền vững hơn.

Những vấn đề đặt ra trên đây là cơ sở để chúng tôi chọn "***Hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1986 - 2015)***" làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình với hi vọng sẽ góp phần làm sáng tỏ những khía cạnh đặt ra ở trên.

## **2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề**



Quan hệ hợp tác Việt Nam - Thái Lan đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu ở những góc độ, khía cạnh khác nhau.

### **2.1. Các tác giả Việt Nam**

Với tư cách là nước láng giềng gần gũi, các nhà khoa học Việt Nam đã có những công trình nghiên cứu về Thái Lan trên nhiều phương diện. Tuy nhiên, số lượng các công trình nói chung chưa nhiều và cho đến nay chưa có một công trình chuyên khảo nào về hợp tác văn hóa, giáo dục Việt Nam - Thái Lan từ năm 1986 đến năm 2015. Có thể dẫn ra đây một số tác giả và công trình tiêu biểu như:

Cuốn sách *"Quan hệ đối ngoại của các nước ASEAN"* của tác giả Nguyễn Văn Sơn và Thái Văn Long chủ biên, được Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia in ấn và phát hành năm 1997 đã khái quát chính sách đối ngoại của các nước thành viên ASEAN, trong đó có đề cập đến quan hệ đối ngoại của hai nước Việt Nam và Thái Lan.

Tác phẩm *"Quan hệ Việt Nam - Thái Lan trong những năm 90"* do tác giả Nguyễn Trương Lai chủ biên, xuất bản năm 2001 đã nghiên cứu chiều hướng phát triển của quan hệ Việt - Thái, phân tích thực trạng và nêu lên những thách thức cũng như triển vọng của mối quan hệ này khi bước vào thế kỉ XXI.

Nhân dịp kỉ niệm 25 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Thái Lan (1976 - 2001), Học viện Quan hệ quốc tế đã tổ chức Hội thảo khoa học: *"Quan hệ Việt Nam - Thái Lan: Hướng tới tương lai"*. Hội thảo tập trung vào hai nội dung chính: Thứ nhất, điểm lại 25 năm quan hệ Việt Nam - Thái Lan từ thu hẹp khoảng cách đến mở rộng hợp tác; Thứ hai: Nêu lên cơ sở triển vọng trong quan hệ Việt - Thái, hướng tới sự hợp tác nhiều mặt có hiệu quả.

Cuốn sách *"Việt Nam - ASEAN quan hệ đa phương và song phương"* xuất bản năm 2004 do GS. NGND Vũ Dương Ninh chủ biên đã nghiên cứu về mối quan hệ giữa Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á, trong đó

có đề cập tới quan hệ Việt Nam và Thái Lan.

Luận án Tiến sĩ "*Quá trình phát triển quan hệ Việt Nam - Thái Lan: 1976 - 2000*", của tác giả Hoàng Khắc Nam đã khái quát cơ sở hình thành và làm rõ mối quan hệ Việt Nam - Thái Lan trong giai đoạn 1976 - 1989 và 1989 - 2000.

Liên quan đến đề tài luận văn nghiên cứu còn các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước như: Bài viết "*Quan hệ Việt Nam - Thái Lan từ đầu thập kỷ 90 (thế kỷ XX) tới nay*", đăng trên Tạp chí Đông Nam Á số 4, năm 2001 của tác giả Nguyễn Diệu Hùng đã khái quát sự phát triển quan hệ hợp tác giữa Việt Nam - Thái Lan từ cuối những năm 80 tới năm 2000, từ đó đưa ra một vài nhận định về triển vọng phát triển của mối quan hệ này. "*Lịch sử quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước 1991*", số 11, năm 2015 của tác giả Hà Lê Huyền đã tập trung phân tích mối quan hệ giữa Thái Lan và Việt Nam trước năm 1991 theo 3 giai đoạn: Trước năm 1945, từ 1945 đến 1975 và từ 1975 đến 1991, từ đó làm nổi bật tiến trình lịch sử hợp tác giữa hai nước. Bài viết "*Việt Nam và Thái Lan: Tiến tới mối quan hệ đối tác ổn định, lâu dài trong thế kỉ 21*" của tác giả Lê Văn Lương đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế số 40, năm 2001 đề cập tới việc thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Thái Lan năm 1976 và quan hệ hai nước qua các giai đoạn từ 1975 đến năm 2000; "*Cơ sở và triển vọng mở rộng quan hệ hợp tác Việt Nam - Thái Lan trong thế kỉ 21*" của tác giả Luận Thùy Dương đã điếm lại những dấu mốc hợp tác Việt Nam và Thái Lan từ cuối thập kỷ 80 thế kỉ XX và đưa ra những cơ sở, triển vọng thúc đẩy hợp tác giữa hai nước trong tương lai....

## **2.2. Các tác giả Thái Lan**

Trong số những công trình nghiên cứu của người Thái mà chúng tôi tiếp cận được, nổi bật lên một số công trình như sau:

Bài viết "*25 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Thái Lan - Việt Nam*", đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á số 6, năm 2001 của tác giả người Thái Thanyathip Sripanana đã khái quát mối quan hệ bang giao giữa hai nước

Việt Nam và Thái Lan từ đối đầu, căng thẳng tới hữu nghị, hợp tác và đưa ra những kiến nghị cụ thể nhằm thúc đẩy quá trình hợp tác giữa hai nước trong tương lai.

Luận án Tiến sĩ của tác giả Thananan Boonwanna nghiên cứu về: "*Quan hệ Thái Lan - Việt Nam (1976 - 2004)*", đã góp phần nâng cao sự hiểu biết về ý kiến, quan điểm của nhân dân và lãnh đạo Thái Lan về lịch sử quan hệ hai nước.

Qua tìm hiểu các công trình khoa học đã xuất bản liên quan đến nội dung của đề tài, tôi nhận thấy:

*Thứ nhất:* Quan hệ Việt Nam - Thái Lan với những bước thăng trầm trong lịch sử: từ láng giềng hữu nghị thời Pháp thuộc tới những nghi ngại trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, thậm chí có lúc căng thẳng trong vấn đề Campuchia được đề cập khá toàn diện và sâu sắc.

*Thứ hai:* Nhìn chung, các nhà nghiên cứu người Thái, người Việt đã đạt được nhiều thành tựu trong việc nghiên cứu về lịch sử Thái, Việt. Hợp tác Việt Nam - Thái Lan từ nửa sau những năm 1980 được đề cập trên nhiều góc độ qua các cuộc hội thảo, các bài viết trên báo hoặc tạp chí song mới chỉ tập trung vào hợp tác trên lĩnh vực chính trị, thương mại, đầu tư. Việc nghiên cứu một cách cụ thể về hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan còn đang là khoảng trống. Vì vậy, tất cả những công trình kể trên đều là những nguồn tư liệu quý giá, có ý nghĩa với tác giả trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

### **3. Đối tượng, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu**

#### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là hợp tác giáo dục và văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan từ năm 1986 đến năm 2015.

#### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học về mối quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt Nam, Thái Lan, trong đó trọng tâm là tìm hiểu hợp tác giáo dục, văn hóa. Để làm sáng tỏ nội dung Luận văn, chúng tôi tập trung đi sâu nghiên cứu những vấn đề trọng yếu sau:

- Khái quát cơ sở hình thành và quan hệ hợp tác Việt Nam - Thái Lan trước năm 1986.

- Hợp tác giáo dục Việt Nam - Thái Lan từ 1986 đến 2015.

- Hợp tác văn hóa Việt Nam - Thái Lan từ 1986 đến 2015.

- Rút ra các nhận xét, đánh giá chung về hợp tác giáo dục, văn hóa Việt - Thái từ 1986 đến 2015 cũng như triển vọng phát triển trong tương lai.

### **3.3. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi nghiên cứu của Luận văn về không gian là Việt Nam và Thái Lan.

- Phạm vi thời gian mà Luận văn bao quát là từ năm 1986 đến năm 2015.

Tuy nhiên, để có thể tìm hiểu cơ sở hình thành, phát triển quan hệ Việt Nam - Thái Lan, chúng tôi phải mở rộng phạm vi thời gian nghiên cứu về trước năm 1986.

- Lĩnh vực nghiên cứu: Luận văn tập trung vào hai lĩnh vực là hợp tác giáo dục và văn hóa.

## **4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu**

### **4.1. Nguồn tài liệu**

Để hoàn thành Luận văn, chúng tôi dựa trên các nguồn tài liệu chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, các văn kiện của Đảng cộng sản Việt Nam, các văn bản chính thức của Chính Phủ, Bộ ngoại giao hai nước.

*Thứ hai*, các công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam và Thái Lan trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... đặc biệt là trong thời kì lịch sử mà Luận văn hướng tới. Ngoài ra, phải kể đến các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, cử nhân, các sách chuyên khảo, các báo cáo trong các hội thảo, các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình thực hiện, Luận văn sử dụng hai phương pháp chính là *phương pháp lịch sử* và *phương pháp logic* để nghiên cứu về quan hệ hợp tác giáo dục, văn hóa giữa Việt Nam - Thái Lan qua các giai đoạn khác nhau. Từ đó, phân tích và đưa ra những lý giải một cách hợp lý, khoa học về quan hệ hợp tác giữa hai nước. Ngoài ra, Luận văn còn sử dụng *phương pháp thống kê, so sánh, tổng hợp, đánh giá* để Luận văn có cái nhìn tổng quát hơn.

#### **5. Đóng góp của luận văn**

- Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách cụ thể và hệ thống về hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan từ 1986 đến 2015.

- Luận văn có thể sử dụng như một công trình tham khảo, phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy về lịch sử quan hệ quốc tế, lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Thái Lan, lịch sử văn hóa..

- Luận văn là cứ liệu lịch sử khẳng định quan hệ đặc biệt Việt Nam - Thái Lan trong quá khứ và hiện tại.

#### **6. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận văn được cấu trúc thành 3 chương:

**Chương 1: Khái quát về hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan trước năm 1986.**

**Chương 2: Thực trạng hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1986 - 2015).**

**Chương 3: Đánh giá và triển vọng hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan.**

## Chương 1

# KHÁI QUÁT VỀ HỢP TÁC GIÁO DỤC, VĂN HÓA VIỆT NAM - THÁI LAN TRƯỚC NĂM 1986

### 1.1. Vài nét về cơ sở hình thành quan hệ hợp tác Việt Nam - Thái Lan

#### 1.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

##### *Vị trí địa lý:*

Việt Nam và Thái Lan là hai nước láng giềng gần gũi cùng nằm trên bán đảo Trung Ấn và cùng thuộc Đông Nam Á lục địa. Việt Nam ở rìa cạnh phía Đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á, vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ phần đất liền và các hải đảo có tổng diện tích là 331.212km<sup>2</sup>, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào, Tây Nam giáp Campuchia, còn phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông và Thái Bình Dương. Vương quốc Thái Lan nằm ở vị trí trung tâm của khu vực Đông Nam Á, có tổng diện tích là 513.120 km<sup>2</sup>, phía Bắc giáp Lào và Mianma, phía Đông giáp Lào và Campuchia, phía Nam giáp vịnh Thái Lan và Malaysia, phía Tây giáp Myanma và biển Andaman.

Mặc dù không cùng chung một dải biên giới trên đất liền nhưng Việt Nam và Thái Lan lại có chung một vùng biển không nhỏ. Cả hai nước đều nằm ở hạ nguồn của sông Mê Công: Lưu vực Mê Công thuộc Thái Lan rộng 170.000 km<sup>2</sup>, chiếm 22% diện tích toàn lưu vực và 1/3 diện tích của Thái Lan. Còn tại Việt Nam, lưu vực sông Mê Công chiếm 1/5 diện tích lãnh thổ và 9% tổng lưu vực sông [38, tr.132]. Sông Mê Công và đường biên ven bờ là những đường giao thông tự nhiên, thuận lợi cho việc đi lại, giao thương giữa hai nước. Đồng thời, cũng là một trong những điều kiện thuận lợi để hình thành nên mối quan hệ về kinh tế và chính trị giữa hai quốc gia.

***Điều kiện tự nhiên:*** Việt Nam và Thái Lan đều có những điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên.

*Về địa hình:* Cả hai nước tương đối giống nhau về kiến tạo địa lý, có độ dốc thoải hướng ra phía biển. Cũng giống Việt Nam, địa hình Thái Lan tương đối đa dạng gồm có đồi núi, đồng bằng, cao nguyên, sơn nguyên, trong đó chủ yếu là đồng bằng.

*Về khí hậu:* Nằm trong vành đai nhiệt đới, khí hậu Việt Nam và Thái Lan về mặt tổng thể đều là nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm và có hai mùa mưa, khô xen kẽ nhau trong năm.

*Về sông ngòi:* Việt Nam có hệ thống sông ngòi dày đặc với khoảng 2360 con sông dài trên 10km, sông có nhiều nước, giàu lượng phù sa, tổng lượng nước là 839 tỉ m<sup>3</sup>/năm trong đó 60% lượng nước là từ phần lưu vực nằm ngoài lãnh thổ. Tổng lượng phù sa hàng năm của sông ngòi trên lãnh thổ nước ta là khoảng 200 triệu tấn [4, tr.117-120]. Trong khi đó, Thái Lan cũng có hệ thống sông ngòi chằng chịt, hai con sông lớn của Thái Lan là Chao phraya và sông Mê Công đem lại khả năng thủy nông và nguồn thủy lợi rất lớn.

*Về khoáng sản:* Việt Nam và Thái Lan là hai nước giàu tiềm năng khoáng sản. Ở Việt Nam, khoáng sản được phân bố ở nhiều nơi, khá phong phú và đa dạng, tuy trữ lượng không lớn nhưng nhiều chủng loại: Than đá, than bùn, sắt, đồng, chì, bạc. Tài nguyên khoáng sản chủ yếu ở Thái Lan gồm có thiếc, vonfram, ga tự nhiên, tantalium, chì, thạch cao...

Sự tương đồng về các điều kiện tự nhiên đã đem lại những điểm tương đồng trong hệ sinh vật tự nhiên ở hai nước. Và thực tế, cả Việt Nam, Thái Lan đều có hệ sinh vật phát triển phong phú, đa dạng về chủng loại, số lượng và chất lượng.

### **1.1.2. Kinh tế - văn hóa**

Việt Nam và Thái Lan đã có một quá trình giao lưu văn hóa khá sớm trong lịch sử. Bởi lẽ, hai quốc gia đều có cơ sở văn hóa và quá trình hình thành văn hóa với nhiều nét tương đồng.

Trước hết, đặc thù của địa hình, khí hậu và các điều kiện tự nhiên khác đã khiến cho cơ sở kinh tế của hai nước trước kia khá giống nhau. Đó là một cơ cấu kinh tế đa dạng gồm nông, lâm, ngư nghiệp với vai trò chủ đạo của nền kinh tế nông nghiệp lúa nước.

Thêm vào đó, về thể giới quan và nhân sinh quan: Điều kiện tự nhiên và cơ sở kinh tế tương đồng đã tạo nên những điểm chung trong cách nhìn nhận, ứng xử của con người với tự nhiên và xã hội. Đây chính là hai cơ sở nội sinh để tạo nên những nét tương đồng trong sắc thái văn hóa giữa hai nước. Ngoài ra, với vị trí địa lý cùng nằm trên bán đảo Trung Án, Việt Nam và Thái Lan đều nằm trong khu vực giao thoa của văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ trên nền văn hóa bản địa, cùng chịu ảnh hưởng của Phật giáo.

Sự kết hợp giữa các yếu tố văn hóa nội sinh và ngoại sinh đã tạo nên sự phát triển văn hóa phong phú, đa dạng trong quá trình hình thành văn hóa ở mỗi nước. Và chính sự tương đồng về văn hóa ấy đã làm cho mối giao lưu giữa cư dân hai nước trở nên dễ dàng hơn.

Mặc dù Việt Nam và Thái Lan là hai quốc gia láng giềng gần gũi, cùng “*Uống chung dòng nước Mê Công*” và cùng chung mẫu số là xã hội nông nghiệp lúa nước với nhiều nét tương đồng về văn hóa song mỗi nước lại có bản sắc văn hóa đặc sắc, hấp dẫn riêng. Nói đến Việt Nam, nhân dân Thái Lan luôn ấn tượng với một dân tộc anh hùng trong lịch sử chống giặc ngoại xâm, từng đánh bại được thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhớ đến một vĩ nhân lịch sử là Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đã cùng bà con Việt kiều biến vùng đất hoang bên bờ sông Mê Công thành vùng phát triển trù phú trong những năm Người hoạt động cách mạng tại Bản Mạ - Thái Lan (1927 - 1929) và cả những nét văn hóa truyền thống đặc sắc như ẩm thực, quốc phục của người Việt. Còn trong ấn tượng của nhân dân Việt Nam, Thái Lan là “*Đất nước của nụ cười*” với những ngôi chùa tháp nổi tiếng, những lễ hội truyền thống (Songkran, Hoa đăng, Hoàng gia...) và các phong tục văn hóa độc đáo khác. Những sự khác biệt này đã làm cho nhân dân



hai nước luôn có nhu cầu tìm hiểu, khám phá những nét văn hóa độc đáo của nhau. Đồng thời, cũng là một trong những cơ sở để thúc đẩy sự hợp tác, trao đổi trong lĩnh vực văn hóa giữa hai nước.

### **1.1.3. Quan hệ tộc người**

Việt Nam và Thái Lan nằm ở vị trí gần kề, không có cách trở lớn về mặt địa lý. Điều này đã đem lại những mối quan hệ đồng tộc trong các thành phần tộc người và các liên hệ cư dân trong lịch sử. Theo các tài liệu nghiên cứu, trước khi lập quốc trên phần đất của Thái Lan ngày nay vào khoảng thế kỉ XIII, người Thái đã có một quá trình sinh sống lâu dài ở phía bắc Đông Dương và miền Nam Trung Quốc, cùng địa vực với các tộc Bách Việt [29, tr.279]. Qua các cuộc di cư tiến dần xuống phía Nam, người Thái dần hòa nhập vào cuộc sống của cư dân bản địa với các tộc người ở Việt Nam. Chính sự tương đồng về mặt tự nhiên, kinh tế và văn hóa đã làm cho mối quan hệ giữa các tộc người được duy trì và gắn kết bền chặt. Hơn thế, trong lịch sử đã có các cuộc di cư của người Việt sang đất Thái và ngược lại. Theo các tài liệu nghiên cứu cho thấy, người Việt Nam với nhiều lý do khác nhau đã sang Thái Lan sống từ rất lâu đời và có thể chia thành 5 đợt tản cư chính vào các năm 1770, 1782, 1834, 1920 và 1945 - 1946 [15, tr.121].

Người Việt đầu tiên có mặt ở Ayuthaya, Thái Lan từ thế kỉ XVI [34, tr.41], đến giữa thế kỉ XVII đã xuất hiện các “*Làng Việt Nam*” hay “*Trại Việt Nam*”. Người Việt đến Thái Lan thời kỳ này do nhiều nguyên nhân khác nhau như buôn bán, một số bị bắt làm tù binh trong chiến tranh hoặc do những nguyên nhân về kinh tế...

Vào cuối thế kỉ XVIII, khi phong trào Tây Sơn đang dần lớn mạnh, một số người trong gia quyền và thuộc hạ của chúa Nguyễn dấy binh chống Tây Sơn nhưng thất bại đã chạy sang Băng Cốc, được vua Taksin giúp đỡ và sau này một số đã ở lại Thái Lan không trở về Việt Nam nữa. Năm 1782, khi bị quân Tây Sơn đánh bại ở Sài Gòn - Gia Định, Nguyễn Phúc Ánh đã cùng gia quyền và nhóm

tàn quân chạy sang cầu cứu vua Xiêm. Về sau, Nguyễn Ánh trở về nước nhưng một số người đã chọn ở lại Băng Cốc.

Dưới triều đại của vua Rama IV (1851 - 1868), do điều kiện sinh sống khắc nghiệt, thiên tai, hạn hán, lũ lụt diễn ra thường xuyên dẫn tới mất mùa. Cùng với đó là sự đàn áp tôn giáo dưới triều vua Minh Mạng (1820 - 1841), đông đảo người Việt chủ yếu ở miền Bắc và miền Trung Việt Nam đã di cư bằng đường bộ sang Lào rồi vượt sông Mê Công đến vùng Đông Bắc Thái Lan để sinh sống.

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, sau khi hoàn tất việc xâm chiếm Việt Nam, thực dân Pháp đã tăng cường sự đô hộ với nhân dân Việt Nam và tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1887 - 1914). Pháp đưa ra nhiều chính sách sưu thuế nặng nề và bắt phu dịch khiến hàng loạt người dân ở miền Bắc và miền Trung phải di cư sang Lào và Thái Lan. Cũng trong thời kỳ này, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của các văn thân, sĩ phu yêu nước diễn ra mạnh mẽ, họ đã chọn Thái Lan là địa bàn liên lạc của cách mạng Việt Nam. Trước sự đàn áp của chính quyền thực dân, một số nghĩa quân của Phong trào Cần Vương ở các tỉnh Nghệ Tĩnh, Thanh Hóa đã vượt Trường Sơn qua Lào rồi đến sinh sống tại Nà Ngừm, Udon...của Thái Lan. Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình, Phan Bội Châu đã nhiều lần sang Thái Lan và chọn nơi này là một trong những cơ sở để gây dựng lực lượng cách mạng tại các tỉnh Phì chít, Udon Thani, Sacon và Nakhon.

Đầu tháng 6 - 1925, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Trung Quốc. Tiếp đó, năm 1926, Nguyễn Ái Quốc đã cử người đến hoạt động ở Thái Lan bởi Thái Lan là địa bàn có ý nghĩa rất quan trọng đối với cách mạng Việt Nam đồng thời vai trò của cộng đồng người Việt ở đây đối với sự nghiệp cứu nước của dân tộc cũng hết sức to lớn. Tháng 8 - 1929, Nguyễn Ái Quốc (với tên gọi Thầu Chín) đã đến Thái Lan và chọn nơi đây là điểm dừng chân trên con đường trở về tổ quốc. Từ đó, Thái Lan được coi là địa bàn bí mật, là cầu nối giữa những người yêu nước Việt Nam với

Đảng cộng sản Trung Quốc, Quốc tế cộng sản, Bộ phương Đông trong quá trình chuẩn bị về mặt chính trị, tổ chức để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Mặc dù ở Thái Lan không lâu nhưng Nguyễn Ái Quốc đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với kiều bào và cán bộ tại đây. Như vậy, chính trong thời kì lịch sử này đã diễn ra một quá trình trao đổi, giao lưu giữa hai dân tộc và nhân dân hai nước. Đây cũng là cơ sở, nền tảng thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai nước sau này.

Trong những năm 1945 - 1946, đã diễn ra một đợt di cư lớn nhất của người Việt trong lịch sử vào vùng Đông Bắc Thái Lan. Nguyên nhân do cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương, đặc biệt là sự kiện Thà Khẹt (Lào) tháng 3 - 1946. Sau khi cuộc chiến đấu của nhân dân Lào - Việt đoàn kết chống lại thực dân Pháp bị thất bại, người Việt đã chạy sang Thái Lan lánh nạn nhằm tránh sự trả thù của Pháp. Những người Việt di cư sang Thái thời kì này được gọi là “*Duôn Mày*” (người Việt mới) hay “*Khôn duôn ộp pa dốp*” (người Việt tản cư). Họ sống tập trung ở các tỉnh: Nong Khai, Udorn Thani, Nakhon Phanom, Sakon Nakhon và Mueang-dan-han, Ubon Ratchathani. Số lượng người Việt di cư từ Lào và Campuchia sang Thái Lan giai đoạn 1945 - 1946 khoảng 46.700 người và khoảng 13.000 gia đình [33, tr.41-42].

Như vậy, trong suốt chiều dài lịch sử, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau đã dẫn tới các cuộc di cư qua lại giữa hai nước Việt - Thái. Dấu vết của quá trình này là sự hiện diện của cộng đồng người Việt trong thành phần dân tộc Thái Lan và ngược lại. Ngoài mối quan hệ đồng tộc giữa người Thái và người Việt đã hình thành thêm mối quan hệ giữa các dân tộc khác. Điều này lý giải vì sao ở cả hai nước đều có nhiều dân tộc khác nhau như Dao, Khome, Khơ mú, Lào, Lự...cùng sinh sống. Vai trò của cộng đồng các tộc người ở mỗi nước rất quan trọng, họ chính là sợi dây liên hệ giữa hai quốc gia và tạo sự gần gũi giữa hai cộng đồng.

## **1.2. Quan hệ Việt Nam - Thái Lan trước năm 1986**

Quan hệ Việt Nam - Thái Lan vốn được hình thành từ rất sớm và được nuôi dưỡng bởi nhiều thế hệ. Trước năm 1986, với những tác động của tình hình thế giới cũng như khu vực, quan hệ Việt - Thái trải qua không ít biến cố và thăng trầm, song nhìn chung xu thế chính vẫn là hòa dịu và tăng cường đối thoại.

### **1.2.1. Giai đoạn trước năm 1945**

Qua các tài liệu lịch sử ghi lại, mối quan hệ Việt - Thái bắt đầu từ sự giao lưu giữa các thương nhân. Trên con đường buôn bán qua vùng Biển Đông, thương nhân người Thái đã đến Việt Nam. Năm 1182, vua Xiêm đã cử sứ thần sang Đại Việt đặt quan hệ thông hiếu [18, tr.317]. Đến năm 1184, các thương nhân của Xiêm La đã vào trấn Vân Đồn dâng vật quý xin buôn bán, các mặt hàng buôn bán chủ yếu là diêm tiêu, sáp vàng, đồ sắt đổi lấy vải lụa, đồ gốm sứ và ngọc trai của Đại Việt. Về sau, dưới triều Sukhothaya, rất nhiều thương nhân Thái cũng tìm đến thương cảng Vân Đồn của Đại Việt để tiến hành trao đổi lấy các thương phẩm có giá trị (gốm sứ, tơ lụa..). Sau các thương nhân, những sứ giả của Sukhothaya cũng nhiều lần đến Thăng Long và được các vị vua thời Lý, Trần nồng nhiệt đón tiếp. Mối quan hệ này vẫn tiếp tục được duy trì ở các triều đại kế tiếp. Năm 1437, quốc vương Ayuthaya đã sai sứ giả sang Đại Việt chính thức đặt quan hệ ngoại giao và buôn bán, vua Lê đã chấp thuận và tuyên bố giảm một nửa thuế buôn cho các thương nhân Xiêm [18, tr.342]. Đặc biệt, từ triều Gia Long, quan hệ hai nước rất phát triển, nhất là quan hệ thương mại. Hàng năm, có khoảng 40 đến 50 thuyền buôn của Xiêm sang Việt Nam để buôn bán [12, tr.31].

Từ giữa thế kỉ XIII đến nửa đầu thế kỉ XIX, trong quan hệ Việt Nam - Thái Lan bắt đầu xuất hiện tính hai mặt. Bên cạnh mối quan hệ thân hữu đã có từ trước còn có sự cạnh tranh, mâu thuẫn giữa hai nước. Khởi nguồn của mâu thuẫn ấy bắt đầu từ tham vọng bành trướng và mở rộng ảnh hưởng đối với Campuchia và Lào. Sự đối địch này cũng diễn ra cả trên đất Việt trong vấn đề tranh chấp vùng đất Hà Tiên. Xung đột diễn ra liên tiếp và kéo dài cho tới khi vua Rama II công

nhận chủ quyền của Việt Nam với vùng đất này vào năm 1810 [17, tr.125]. Cũng trong thời kì lịch sử này, khi cuộc cạnh tranh quyền lực giữa anh em nhà Tây Sơn với Nguyễn Ánh lên tới đỉnh điểm, Xiêm đã tổ chức can thiệp nhằm áp đặt ảnh hưởng đối với Đại Việt thông qua việc cầu kết với Nguyễn Ánh chống lại Tây Sơn. Khi Xiêm xảy ra chiến tranh với Miến Điện, Nguyễn Ánh đã cho quân đi giúp. Như vậy, tính hai mặt vừa giao hảo - vừa cạnh tranh đã thể hiện rõ trong mối quan hệ Việt Nam - Thái Lan.

Quan hệ Việt Nam và Thái Lan bước sang thời kỳ mới với nhiều tính chất và đặc điểm mới khi làn sóng chủ nghĩa thực dân tràn tới. Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam. Việt Nam, Lào và Campuchia lần lượt rơi vào ách thống trị của thực dân Pháp. Thái Lan tuy vẫn giữ được nền độc lập tương đối song chính sách ngoại giao cũng bị phụ thuộc nặng nề. Mặc dù chịu thêm sự chi phối từ bên ngoài nhưng bất chấp mọi trở ngại, quan hệ giữa nhân dân hai nước vẫn tiếp tục được duy trì và gắn kết. Khi bị thực dân Pháp đàn áp, nhiều người Việt Nam đã chạy sang Thái Lan để sinh sống. Nhiều nhà cách mạng Việt Nam trong đó có Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính, Hồ Vĩnh Long...cũng đã chọn Thái Lan là nơi nương náu và xây dựng cơ sở yêu nước. Trong thời kỳ này, Thái Lan được coi là địa bàn quan trọng của cách mạng Việt Nam. Năm 1925, sau khi Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập, Hồ Tùng Mậu đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cử sang để gây dựng và tổ chức lực lượng. Trong những năm 1928 - 1929, Thái Lan là điểm dừng chân của Nguyễn Ái Quốc trên con đường trở về Việt Nam sau bao năm Người ra đi tìm đường cứu nước. Đến khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, đảng bộ của Việt kiều được gọi là “*Xiêm ủy*” cũng được thành lập ở Thái Lan. Có thể thấy, sự đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong quan hệ Thái Lan - Việt Nam được thể hiện rất rõ trong giai đoạn lịch sử này.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý một đặc điểm chi phối tới quan hệ Việt Nam - Thái Lan thời kỳ này là sự xuất hiện yếu tố nước lớn. Năm 1940, khi Pháp gặp phải thất bại ở châu Âu, thế lực của Pháp ở Đông Dương cũng đang bị suy yếu.

Lợi dụng điều này, Xiêm đã dựa vào thế lực của Nhật ở Đông Nam Á để gây chiến tranh với Pháp nhằm tranh giành một phần đất của Lào và Campuchia. Nhiều người Thái và Việt đã phải ra chiến trường bởi tham vọng của những nhà cầm quyền (chính phủ thân Nhật của Thái Lan) chứ không phải vì lợi ích dân tộc thực sự. Tuy nhiên, ở Thái Lan lúc này vẫn một bộ phận tiến bộ trong Đảng Seri Thai (Thái tự do) đã phát động nhân dân đứng lên chống phát xít và xây dựng khu du kích tại tỉnh Sakon Nakhon. Khi được Hội Việt kiều đề nghị giúp đỡ để thành lập chiến khu, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh vũ trang đánh đuổi phát xít Nhật và thực dân Pháp giành chính quyền ở Đông Dương, các lãnh đạo của Đảng Seri Thai đã hết sức tán thành và được nhân dân địa phương ủng hộ giúp đỡ tận tình.

### **1.2.2. Giai đoạn 1945 - 1975**

Đây là giai đoạn quan hệ Việt Nam và Thái Lan bước sang một chương mới. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời với tư cách là một chủ thể chân chính. Quan hệ Việt Nam - Thái Lan lúc này trở thành quan hệ giữa hai quốc gia có chủ quyền ở Đông Nam Á.

Năm 1946, Chính phủ Pridi Phanomyong lên cầm quyền ở Thái Lan đã thi hành chính sách ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á, đặc biệt là phong trào chống Pháp ở Đông Dương. Vào thời điểm này, chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã đặt được một cơ quan đại diện đầu tiên ở Băng Cốc, hưởng quy chế ngoại giao và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 14 - 4 - 1947 [12, tr.32]. Tháng 2 - 1948, các cơ quan thông tin của Việt Nam lần lượt được thiết lập tại Băng Cốc có nhiệm vụ phát hành bản tin của Việt Nam bằng Tiếng Việt, Tiếng Anh và Tiếng Thái. Qua các bản tin được phát hành, nhân dân thế giới đã biết đến cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Đồng thời, đây cũng chính là cầu nối quan trọng để Liên Xô và Việt Nam liên lạc với nhau. Thời kì này, cách mạng Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ hết sức quý báu từ chính phủ Pridi Phanomyong và nhân dân Thái Lan. Chính phủ này đã cho phép Việt Nam

đặt một cơ sở huấn luyện quân sự vào giữa năm 1946 và sản xuất, sửa chữa vũ khí để hỗ trợ cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Đặc biệt, sau sự kiện Thà Khéc ở Lào, hàng vạn kiều bào Việt Nam đã phải tản cư sang Thái Lan lánh nạn. Nhân dân Thái Lan cũng như cộng đồng Việt kiều ở đây đã làm nhiệm vụ đón tiếp và giúp đỡ rất nhiệt tình. Có thể thấy, trong hai năm 1946, 1947 quan hệ giữa chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam - Thái Lan có nhiều biểu hiện tích cực, thắm tình hữu nghị và giúp đỡ lẫn nhau.

Tuy nhiên, từ sau năm 1947, khi tướng Phibun Songkram tiến hành cuộc đảo chính, một chính phủ quân sự theo xu hướng thân Mỹ được thành lập. Với chế độ độc tài quân sự, Thái Lan đã chống lại các tư tưởng tự do dân chủ, đàn áp những người cộng sản, chống lại cách mạng Đông Dương. Là một nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, Thái Lan cũng lo ngại về xu hướng tiến triển của mình nên đã chủ động tăng cường quan hệ với cả Mỹ và Pháp. Vì vậy, ngay sau khi Mỹ quyết định công nhận chính phủ Bảo Đại do Pháp dựng lên (8 - 2 - 1950) và hứa giúp đỡ các nước châu Á khoản viện trợ không hoàn lại là 75 triệu USD, đề nghị Pháp tăng cường ủng hộ các lực lượng chống cộng sản ở Đông Dương [40, tr.43] thì vào tháng 9 - 1950, chính quyền Thái Lan đã ký với Mỹ hiệp ước hợp tác về kinh tế kỹ thuật và đến tháng 10 ký hiệp ước về viện trợ quân sự [20, tr.370]. Viện trợ của Mỹ cho Thái Lan liên tục tăng lên và chính phủ tư sản Thái Lan cũng không ngừng tiếp tay cho Mỹ thực hiện kế hoạch xâm lược Đông Dương. Ngày 28 - 2 - 1950, sau ba lần họp Hội nghị hội đồng bộ trưởng vào các ngày 13 - 2, 20 - 2 và 27 - 2, chính quyền tướng Phibun đã chính thức công nhận chính phủ Bảo Đại [40, tr.43]. Đến năm 1951, chính quyền Thái Lan chính thức yêu cầu Việt Nam dân chủ cộng hòa đóng cửa cơ quan đại diện chính phủ, ngừng hoạt động của cơ quan thông tin tại Thái Lan, chấm dứt các hoạt động tuyên truyền trên đất Thái về cuộc kháng chiến chống Pháp. Quan hệ Việt Nam - Thái Lan từ đây bước sang một thời kỳ đầy căng thẳng.

Với những thay đổi trong đường lối đối ngoại của Thái Lan, quan hệ Việt Nam - Thái Lan (1954 - 1975) trải qua không ít khó khăn, thậm chí có lúc đối đầu. Ngay sau khi công nhận chính phủ Bảo Đại, chính phủ Thái Lan đã sửa đổi quy chế, quy định vùng cư trú của Việt kiều từ 8 tỉnh xuống còn 5 tỉnh để tiện cho việc theo dõi, quản lý và tuyên truyền họ theo con đường chống cộng. Năm 1958, Thái Lan còn đưa ra nhiều quy định khắt khe với Việt kiều như: Cấm người Việt hoạt động trong 25 ngành nghề (cắt tóc, chụp hình, sửa chữa ô tô, xe máy, thợ điện...), người Việt làm trong các nghề khác phải đóng thuế 1000 bạt mỗi năm, nếu có cửa hiệu thì phải đóng thuế thu nhập, đăng ký kinh doanh phải đóng thuế thương mại 500 bạt mỗi năm. Những thay đổi trong chính sách quản lý của chính phủ Thái Lan đã khiến cho cuộc sống của Việt kiều gặp không ít khó khăn.

Với chiến thắng Điện Biên Phủ (5 - 1954) và sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết (7 - 1954), cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đã kết thúc thắng lợi. Tuy nhiên, lúc này Mỹ đã từng bước thay thế vị trí của Pháp ở miền Nam Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam lại bắt đầu. Trong thời kỳ này, Thái Lan vẫn tiếp tục thực hiện chính sách thân Mỹ, cùng với Mỹ tham chiến trực tiếp chống lại Việt Nam. Ngày 8 - 9 - 1954, Thái Lan gia nhập tổ chức Hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á (SEATO), Bộ chỉ huy quân sự của khối này được đặt tại Băng Cốc do các tướng lĩnh cấp cao của Thái Lan đứng đầu. Trên lãnh thổ của Thái Lan có đặt các sân bay quân sự và quân cảng của Mỹ thuận lợi cho máy bay và tàu chiến xuất kích đánh phá các nước Đông Dương. Sự đối đầu trong quan hệ Việt Nam - Thái Lan lên tới đỉnh cao khi Thái Lan trực tiếp tham chiến ở Đông Dương. Tháng 3 - 1967, một sư đoàn “*rắn hổ mang*” gồm 2.300 lính Thái Lan được điều sang miền Nam Việt Nam, số binh lính Thái Lan ở chiến trường Việt Nam lên tới 5.200 người vào tháng 7 - 1968 [26, tr.63].

Mặc dù thời kỳ này chính phủ Thái Lan thực hiện chính sách thân Mỹ



chống Việt Nam song với tình cảm hữu nghị, tốt đẹp vốn có của nhân dân hai nước, những người yêu chuộng hòa bình ở Thái Lan đã phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Tháng 7 - 1969, sinh viên trường Luật Băng Cốc biểu tình phản đối Níchxon và đòi chính phủ Thái Lan rút quân khỏi Việt Nam, tiếp đó là bức thư ngỏ của 23 trí thức Thái Lan gửi Tổng thống Níchxon tố cáo tội ác chiến tranh do Mỹ gây ra. Sự phản đối của nhân dân Thái Lan ngày càng lớn cùng với những thay đổi tình thế ở Đông Dương, đặc biệt việc Mỹ bắt đầu cuộc rút quân khỏi Đông Nam Á đã khiến chính phủ Thái Lan phải thay đổi thái độ của mình trong mối quan hệ với Việt Nam. Tháng 4 - 1972, quân đội Thái Lan đã rút quân khỏi Việt Nam. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, Bộ trưởng ngoại giao hai nước đã có một số cuộc trao đổi thư từ bàn về việc bình thường hóa quan hệ. Để thể hiện thiện chí của mình, Việt Nam đã chủ động trong việc xúc tiến cải thiện quan hệ với Thái Lan. Ngày 25 - 1 - 1975, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Duy Trinh đã gửi thư cho Ngoại trưởng Thái Lan, trong đó đề ra ba nguyên tắc cơ bản đối với việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, Việt Nam đã hoàn toàn thống nhất và bước ra trường quốc tế với một vị thế mới. Nhiều nước trong và ngoài khu vực cũng dần cải thiện quan hệ với Việt Nam. Những chuyển biến trên đã tác động mạnh mẽ tới quan hệ Việt Nam - Thái Lan. Mặc dù việc bình thường hóa quan hệ diễn ra rất chậm chạp song cũng là dấu hiệu tốt cho việc cải thiện mối quan hệ của hai nước.

### **1.2.3. Giai đoạn 1976 - 1986**

Trong giai đoạn này, một dấu mốc quan trọng trong hợp tác giữa hai nước là Tuyên bố chung về việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Thái Lan được kí kết tại Hà Nội vào ngày 6 - 8 - 1976. Sự kiện này chính là cơ sở để phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác cũng như thúc đẩy nhanh chóng việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Trong hai năm 1977 - 1978, Việt Nam và

Thái Lan đã cùng bàn bạc thống nhất đặt Lãnh sự quán của mỗi bên, ký Hiệp định hàng không, Hiệp định thương mại và hợp tác kinh tế khoa học [34, tr.52]. Đỉnh cao của quan hệ Việt Nam - Thái Lan thời kỳ này là chuyến thăm Thái Lan của Thủ tướng Phạm Văn Đồng từ ngày 6 đến ngày 10 - 9 - 1978. Hai bên đã ký Tuyên bố chung, thỏa thuận đẩy mạnh việc buôn bán, hợp tác kinh tế, khuyến khích trao đổi văn hóa...Chuyến thăm này đã đưa lại một không khí cởi mở hơn, góp phần xây dựng cơ sở vững chắc nhằm tăng tình hữu nghị giữa hai nước.

Tuy nhiên, quan hệ Việt Nam - Thái Lan đã trở lại tình trạng đối đầu, căng thẳng trong giai đoạn 1979 - 1985 do “*Vấn đề Campuchia*”. Đầu năm 1979, khi Việt Nam đưa quân tình nguyện sang Campuchia giúp lực lượng yêu nước Campuchia đánh đổ chế độ Polpot Iêngxari, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng. Thái Lan chống lại việc này và thậm chí còn dung túng cho chế độ Polpot Iêngxari chống lại chính quyền cách mạng Campuchia. Đối với Thái Lan, nỗi ám ảnh về một Việt Nam cộng sản còn chưa lụi xa thì việc quân đội Việt Nam có mặt tại biên giới Campuchia - Thái Lan càng khiến cho Thái Lan lo sợ. Vì thế, Thái Lan đã ra mặt ủng hộ Trung Quốc và trở thành nơi tiếp nhận những nhóm Khơme Đỏ hoạt động trên đất Thái Lan chống Việt Nam. Bên cạnh đó, Thái Lan còn sử dụng các hoạt động chính trị, ngoại giao, kinh tế nhằm gây sức ép với Việt Nam trong “*Vấn đề Campuchia*”. Qua các diễn đàn quốc tế, Thái Lan đã lên tiếng đòi Việt Nam rút quân khỏi Campuchia, hoãn các chuyến viếng thăm Việt Nam và tuyên bố đình chỉ quan hệ thương mại với Việt Nam.

Về phía Việt Nam, chúng ta vừa thoát khỏi hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nay lại tiếp tục đương đầu với lực lượng phản động Bắc Kinh và Khơ me Đỏ. Trên thực tế, cả Việt Nam và Thái Lan lúc này đều không muốn kéo dài tình trạng đối đầu căng thẳng trong quan hệ hai nước. Việt Nam một mặt đã giải thích sự có mặt của mình ở Campuchia là nhằm bảo vệ an ninh của Việt Nam, đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế với nhân dân Campuchia, mặt khác Việt Nam cũng tuyên bố sẵn sàng rút quân đội khỏi

Campuchia khi nước này được đảm bảo thoát khỏi nạn diệt chủng. Năm 1986, Việt Nam tiến hành đổi mới, mở ra những thay đổi lớn mang tính cách mạng trong sự phát triển của đất nước, đồng thời điều chỉnh chính sách đối ngoại. Đường lối đối ngoại được xác định là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phấn đấu giữ gìn hòa bình ở Đông Dương, góp phần giữ vững hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới. Cùng với tiến triển của tình hình Campuchia, trong đó việc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia và chính phủ mới của Thái Lan được thành lập do ông Chatichai Choonhavan làm Thủ tướng, với tuyên bố nổi tiếng của ông “*Biến Đông Dương từ chiến trường thành thị trường*” [21, tr.6], quan hệ Việt Nam và Thái Lan đã từng bước được cải thiện.

### **Tiểu kết**

Quan hệ hợp tác về giáo dục và văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan đã có cơ sở hình thành từ trong lịch sử. Với khoảng cách địa lý không có nhiều cách trở, cùng với những tương đồng về mặt tự nhiên, văn hóa và mối liên hệ giữa các tộc người đã tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi cho sự hợp tác giữa hai nước trên nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục và văn hóa. Về mặt lịch sử, dưới tác động của tình hình thế giới, khu vực và nội bộ của mỗi nước, quan hệ Việt Nam - Thái Lan đã trải qua nhiều giai đoạn phức tạp, thậm chí là đối đầu căng thẳng. Song trên tất cả, với tinh thần hữu nghị, cùng chung sống hòa bình vì một Đông Nam Á phồn vinh, quan hệ hai nước ngày càng được cải thiện, mở rộng và phát triển. Với những tuyên bố và các văn bản hợp tác được ký kết giữa hai chính phủ, Hiệp định thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Thái Lan (6 - 8 - 1976), sự chuyển biến của tình hình thế giới, khu vực và xu thế phát triển sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc chính là những cơ sở quan trọng để chính phủ, nhân dân hai nước cùng thúc đẩy quan hệ hợp tác nói chung và hợp tác trên lĩnh vực giáo dục, văn hóa nói riêng.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG HỢP TÁC GIÁO DỤC, VĂN HÓA VIỆT NAM - THÁI LAN (1986 - 2015)

#### 2.1. Hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1986 - 1995)

##### 2.1.1. Bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình hai nước Việt Nam - Thái Lan

###### *Bối cảnh quốc tế và khu vực*

Cuối thế kỷ XX, tình hình thế giới và khu vực có nhiều thay đổi. Chiến tranh lạnh với tư cách là một cuộc chạy đua, đối đầu về ý thức hệ chính trị giữa Mỹ và Liên Xô đã đi đến hồi kết, mở ra thời kỳ hòa dịu, đối thoại và hợp tác trên quy mô toàn cầu. Xu hướng này cùng với nhu cầu nội tại của ASEAN đã tạo nên những chất xúc tác mới thúc đẩy nhanh hơn nữa tiến trình hợp tác và liên kết khu vực. Cùng với đó là sự thay đổi trong môi trường an ninh khu vực: “*Vấn đề Campuchia*” được giải quyết trên tinh thần hòa giải, hòa hợp dân tộc; Mỹ rút hầu hết quân đội của mình khỏi căn cứ quân sự ở Philippin vào năm 1991; Trung Quốc cũng dần cải thiện quan hệ của mình với các nước trong khu vực để phát triển kinh tế trong nước. Những mối đe dọa tới nền an ninh của các nước ASEAN đã giảm đi rất nhiều. Các nước ASEAN hoàn toàn có thể yên tâm, tập trung vào phát triển kinh tế trong nước đồng thời có thêm cơ hội mở rộng và tăng cường thực hiện các chương trình hợp tác.

Từ những năm 40 thế kỷ XX, trên thế giới diễn ra cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện đại với đặc điểm lớn nhất là khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học gắn liền với kỹ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kỹ thuật. Đặc biệt, những năm cuối thế kỷ XX, cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra với sự ra đời của thế hệ máy tính điện tử mới, vật liệu mới, những dạng năng lượng mới, công nghệ sinh học và phát triển tin học. Khoa học và công nghệ trở thành cốt lõi của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật (giai đoạn này được gọi là cách mạng khoa học - công nghệ). Với quy mô rộng lớn, nội dung sâu sắc và

toàn diện, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã mang lại những thay đổi to lớn trong đời sống nhân loại: Tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người, thay đổi trong cơ cấu dân cư... Từ đó, dẫn tới những đòi hỏi trong chất lượng nguồn nhân lực, những đòi hỏi mới về giáo dục và đào tạo nghề nghiệp. Để chống nguy cơ tụt hậu về văn hóa và khoa học, mỗi quốc gia cần tập trung chăm lo cho phát triển giáo dục, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu đồng thời, tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế. Việt Nam và Thái Lan là những nước đang phát triển, việc quan tâm tới sự nghiệp giáo dục lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giáo dục được coi là chìa khóa để thúc đẩy sự phát triển đất nước và tiến bộ xã hội.

Ở khía cạnh giáo dục, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin đã tạo ra bước ngoặt về khả năng cung cấp và tiếp nhận thông tin trên toàn cầu, cho phép con người tiếp thu một cách nhanh chóng các phát triển mới về khoa học và kỹ thuật. Đồng thời, trở thành công cụ truyền bá giáo dục và kiến thức về mọi mặt đời sống xã hội một cách hiệu quả và nhanh chóng. Rõ ràng, đây chính là một lợi thế với những nước tư bản, bởi họ đã có nền tảng cơ sở vật chất kỹ thuật và một nền giáo dục cơ bản, hiệu quả nên việc khai thác và sử dụng mạng lưới thông tin toàn cầu sẽ tốt hơn. Đối với các nước ASEAN, mặc dù hệ thống giáo dục và nghiên cứu khoa học trong mấy thập niên trước đó đã có những bước tiến nhất định nhưng vẫn còn nhiều hạn chế và lạc hậu. Mức đầu tư cho giáo dục của Thái Lan, Malaixia, Ấn Độ và Philippin trong những năm 60 - 90 thế kỷ XX chỉ chiếm khoảng 2 đến 3%, trong khi đó tỉ lệ ở các nước phát triển thông thường là 5 đến 7%, thậm chí ở các nước tư bản phát triển mức đầu tư của nhà nước cho nghiên cứu khoa học, giáo dục là rất cao. Ví dụ: Năm 1995, ở Canada chiếm tới 8,8% GDP, ở Mỹ là 8,4%, ở Úc là 6,8% và ở Nhật là 6,8% [14, tr.121]. Thêm vào đó, phương pháp dạy và học ở các trường đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề của các nước ASEAN còn mang nặng lý thuyết, ít kết hợp giữa học với hành. Việc đào tạo nguồn nhân lực ở các nước Đông Nam Á còn theo lối mòn, học vẹt, truyền thống, điều này đã tạo ra sức ì lớn cho người học. Trong khi nhiều

trường đại học ở Mỹ và châu Âu đã loại bỏ phương pháp này, thay vào đó người thầy chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn, sinh viên mới là người đóng vai trò chủ động, sáng tạo và tìm kiếm những kiến thức mới. Ngoài ra, sự bất cập trong đào tạo nguồn nhân lực còn thể hiện ở chỗ các nước ASEAN chưa chú trọng một cách đúng mức đến bồi dưỡng đội ngũ kỹ sư công nghệ và thành thạo ngoại ngữ. Tình trạng này là khá phổ biến và hệ quả là vô tình đã tạo ra chỗ đứng lâu dài cho các chuyên gia nước ngoài tại các nước Đông Nam Á. Đây chính là nguyên nhân khiến ASEAN nói chung, Việt Nam và Thái Lan nói riêng rất khó khăn trong việc xây dựng một nền kinh tế tri thức của riêng mình.

Việc tăng cường hợp tác giáo dục trong ASEAN cũng dần được chú trọng với hai tổ chức giáo dục cùng hoạt động là Tổ chức các Bộ trưởng giáo dục Đông Nam Á (SEAMEO) và Tiểu ban giáo dục ASEAN (ASCOE). Bên cạnh đó, còn có mạng lưới các trường Đại học ASEAN (ANU) đặt dưới sự giám sát của tổ chức ASEAN, các hoạt động trao đổi giữa các nhà khoa học và tăng cường đào tạo nhân lực cho các nước thành viên ngày càng được đẩy mạnh.

Xét riêng ở khía cạnh văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, có thể thấy toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã mang lại cho các quốc gia, dân tộc cơ hội tiếp thu những tinh hoa văn hóa toàn nhân loại song cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ đe dọa tới bản sắc văn hóa của mỗi quốc gia trước các nền văn hóa lớn. Việt Nam nói riêng và các nước trong khu vực Đông Nam Á nói chung cũng nằm trong tầm ảnh hưởng đó. Bởi vậy, sau khi giành được độc lập, bên cạnh việc tập trung khôi phục và phát triển kinh tế trong nước, chính phủ các nước ASEAN đều tỏ rõ quyết tâm khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc, tăng cường hợp tác để mở ra những cơ hội cho phát triển đất nước nói chung và phát triển văn hóa nói riêng.

Giữa các nước ASEAN, vấn đề hợp tác văn hóa được coi là rất quan trọng bởi các nước đều nhận thức rõ tầm quan trọng của việc hiểu biết về những nền văn hóa cũng như hệ thống giá trị của nhau, tăng cường sự kế thừa những nét

đẹp và đặc trưng của văn hóa các dân tộc ASEAN và những nền văn hóa ngoài khu vực, đồng thời, bảo vệ vốn văn hóa dân tộc phong phú khỏi những tác động tiêu cực của hiện đại hóa. Tinh thần hợp tác văn hóa ASEAN được đề cao tại Hội nghị cấp cao Bali vào tháng 2 - 1976. Tuyên bố về hòa hợp ASEAN đề cao việc tăng cường giới thiệu nghiên cứu về ASEAN, các nước ASEAN cũng như ngôn ngữ dân tộc của họ trong các trường học và đại học ở các nước thành viên. Nhằm đạt được những mục tiêu trên, các nước ASEAN đã thành lập hai Ủy ban thường trực là Ủy ban về hoạt động văn hóa - xã hội (1971) và Ủy ban về thông tin đại chúng (1973). Bên cạnh đó, nhiều hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa giữa các nước thành viên cũng đã diễn ra như: Trao đổi các chương trình phát thanh và truyền hình, triển lãm ảnh nghệ thuật ASEAN, liên hoan phim, thể thao... Các tổ chức như Hội điện ảnh ASEAN, Liên đoàn các nhà báo ASEAN, Hội nhà văn ASEAN cũng được thành lập.

Tuyên bố của Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ tư tại Xingapo vào tháng 1 - 1992 đã nhấn mạnh rằng ASEAN cần đẩy nhanh quá trình hình thành bản sắc và đoàn kết khu vực.

Như vậy, trước bối cảnh toàn cầu hóa, xu thế mở cửa, giao lưu hội nhập đã trở thành nhu cầu bức thiết của các dân tộc. Để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, các quốc gia cần chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác về mọi mặt nói chung và hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa nói riêng. Sự giao lưu hợp tác về kinh tế, đối thoại về chính trị sẽ tạo tiền đề cho việc tiếp xúc và giao thoa văn hóa của các quốc gia, dân tộc khác nhau trên thế giới. Thông qua quá trình này, văn hóa đặc trưng của mỗi quốc gia sẽ có cơ hội được các nước khác biết tới, đồng thời có thêm cơ hội tiếp nhận những giá trị mới từ các nền văn hóa khác, góp phần vào sự phát triển chung của văn hóa nhân loại. Những thay đổi to lớn trên của tình hình thế giới và khu vực đã tác động không nhỏ tới Việt Nam và Thái Lan cũng như mối quan hệ hợp tác giữa hai nước.

## ***Tình hình Việt Nam và Thái Lan***

Từ những năm 70 đến giữa những năm 80 thế kỉ XX, Việt Nam rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, đặt ra muôn vàn khó khăn, thách thức lớn cho sự phát triển của đất nước. Trong bối cảnh đó, Đảng ta đã tiến hành công cuộc đổi mới và thu được một số thành tựu nhất định. Tuy nhiên, trước những thách thức của quá trình toàn cầu hóa cùng với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa việc hợp tác giáo dục với các nước trong khu vực và trên thế giới, đây là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng và có ý nghĩa lớn. Bên cạnh đó, trong khi các Hiệp ước về hợp tác văn hóa, khoa học - kĩ thuật giai đoạn 1986 - 1990 của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa sắp kết thúc thì chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu lâm vào khủng hoảng và đi tới sụp đổ. Hợp tác giáo dục và đào tạo giữa Việt Nam và các nước này cũng vì thế mà giảm mạnh. Yêu cầu khách quan đối với Việt Nam lúc này là cần tăng cường và mở rộng hợp tác với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới nhằm tránh nguy cơ tụt hậu và đem lại một nguồn nhân lực chất lượng cho đất nước.

Sau những năm dài kháng chiến để bảo vệ đất nước, trước những biến đổi của thế giới và khu vực, Việt Nam cũng đang phấn đấu để xây dựng một xã hội văn minh, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa để quảng bá các giá trị văn hóa của Việt Nam ra thế giới, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại nhằm xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đất nước ta đã và đang chuyển sang một giai đoạn mới - công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những vấn đề đô thị hóa và ảnh hưởng của văn hóa phương Tây chắc chắn sẽ có những tác động không nhỏ tới xã hội, truyền thống văn hóa, giá trị đạo đức của Việt Nam. Nhằm tăng cường sự hòa nhập của văn hóa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam đã chủ động



đăng kí tham gia các dự án hoạt động về văn hóa, đồng thời đẩy mạnh hợp tác văn hóa với các nước ASEAN, trong đó có Thái Lan.

Với Thái Lan, vào những năm cuối thập kỉ 80 thế kỉ XX, Thái Lan bước vào thời kì phát triển kinh tế mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng cao. Tuy nhiên, cuộc xung đột kéo dài ở Campuchia đã làm ảnh hưởng không ít tới sự phát triển kinh tế của nước này. Bởi vậy, việc giải quyết “*Vấn đề Campuchia*” và cải thiện quan hệ với Việt Nam được Thái Lan hướng tới. Mặt khác, cũng như Việt Nam và nhiều nước trong khu vực, Thái Lan cũng chịu tác động mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa. Để thích ứng với một thế giới mang tính mở như vậy, Thái Lan cần mở rộng thị trường, phát triển kinh tế đối ngoại, thúc đẩy hợp tác và nâng cao tính cạnh tranh. Nguồn nhân lực chất lượng chính là yếu tố quan trọng để Thái Lan giải quyết nhu cầu trên. Tuy nhiên, nguồn nhân lực có học vấn ở Thái Lan còn rất thấp. Năm 1994, Thái Lan chỉ có 39% trẻ em ở độ tuổi trung học cơ sở đi học, có tới 80% lao động không tay nghề hoặc có tay nghề thấp ở Thái Lan mới đạt được trình độ giáo dục tiểu học [14, tr.60 - 61]. Ở trình độ đại học, số lượng kĩ sư được đào tạo giỏi về Tiếng Anh và công nghệ hiện đại là rất hiếm. Bởi vậy, Thái Lan đã bắt đầu điều chỉnh chính sách của mình, đẩy mạnh hợp tác với các nước trong khu vực.

Như vậy, Chiến tranh lạnh kết thúc với xu thế chuyển dần từ đối đầu sang đối thoại, xu thế toàn cầu hóa và những thay đổi của tình hình khu vực đã tác động mạnh mẽ tới quan hệ Việt Nam - Thái Lan. Để thích ứng với những biến đổi của thế giới, Việt Nam và Thái Lan phải cùng nhau hợp tác trên nhiều lĩnh vực, trong đó có hợp tác về giáo dục và văn hóa.

### **2.1.2. Chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường hợp tác giáo dục, văn hóa giữa hai nước**

Đầu những năm 80, thực trạng khủng hoảng đất nước về nhiều mặt, đặc biệt về kinh tế - xã hội cùng với “*Vấn đề Campuchia*” tiếp tục kéo dài khiến cho Việt Nam càng thêm suy yếu và bị cô lập trên trường quốc tế cũng như trong khu vực. Nhiệm vụ cấp thiết đặt ra lúc này là phải giải quyết tình hình khó khăn ở trong nước, nhanh chóng tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự giao lưu và hợp tác quốc tế. Để đạt được điều này, nước ta cần chủ động đẩy mạnh hợp tác với các nước trong khu vực, nhất là các nước trong khối ASEAN, coi đó là chìa khóa để Việt Nam tiến vào hội nhập, hợp tác sâu rộng với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tại Đại hội VI (12 - 1986), Đảng ta đã phân tích xu thế phát triển của khu vực và một lần nữa nhấn mạnh vị trí của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới trong bối cảnh mới. Đảng xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, trong điều kiện mới, chúng ta phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát triển đất nước phù hợp với quy luật và xu thế chung của thời đại trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều này được Đảng ta khẳng định trong nhiệm vụ của công tác đối ngoại: “*Ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững cho hòa bình ở Đông Dương, góp phần giữ vững hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới*” với mục tiêu “*Tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*” [7, tr.99]. Đây là một bước ngoặt trong đổi mới tư duy của Đảng về vấn đề đối ngoại.

Trên cơ sở những chủ trương, chính sách mà Đảng ta đề ra qua các Đại hội VI (12 - 1986), Hội nghị Bộ Chính trị lần thứ 13 khóa VI (5 - 1988), Đại hội VII (1991), Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khóa VII (1992)... Việt Nam đã đẩy

mạnh phát triển quan hệ với các nước trong khu vực, đặc biệt là các nước láng nước giềng ASEAN. Tranh thủ những điều kiện quốc tế và khu vực có nhiều điểm thuận lợi, Đảng ta đã đẩy quan hệ Việt Nam - ASEAN lên một bước phát triển mới với sự kiện tham gia Hiệp ước Bali. Tháng 7 - 1992, Việt Nam trở thành quan sát viên của ASEAN, mở ra thời kỳ thiết lập chính thức quan hệ Việt Nam - ASEAN.

Ngày 15 - 10 - 1993, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã sang thăm Thái Lan - chuyến đi thăm đầu tiên của người đứng đầu Đảng cộng sản Việt Nam đến một quốc gia thành viên ASEAN. Trong chuyến thăm này, Tổng Bí thư đã công bố Chính sách bốn điểm mới của Việt Nam và nêu lên chủ trương của Việt Nam là tăng cường quan hệ hợp tác nhiều mặt với từng nước láng giềng ASEAN và Hiệp hội. Việt Nam cũng thể hiện thiện chí sẵn sàng gia nhập ASEAN vào thời điểm thích hợp.

Năm 1994, trước những chuyển biến tích cực và thuận lợi trong quan hệ Việt Nam - ASEAN, Bộ Chính trị đã họp và đưa ra quyết định đệ trình lên Ủy ban thường trực ASEAN chính thức đặt vấn đề Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN. Các nước ASEAN rất hoan nghênh quyết định này và phối hợp cùng Việt Nam hoàn tất mọi thủ tục để Việt Nam gia nhập ASEAN trong năm 1995.

Ngày 27 - 8 - 1995, Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ASEAN lần thứ 28 được tổ chức tại Brunây đã tuyên bố kết nạp Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN. Sự kiện này là một minh chứng khẳng định chủ trương và sự chỉ đạo đúng đắn của Đảng ta trong mối quan hệ với các nước trong khu vực. Đảng ta đã có sự điều chỉnh chiến lược phù hợp, từng bước đưa cách mạng Việt Nam hội nhập vào xu thế chung của khu vực và thế giới. Từ đây, quan hệ Việt Nam với các nước ASEAN nói chung và quan hệ hợp tác Việt Nam - Thái Lan nói riêng bước sang một chương mới: Quan hệ giữa các nước thành viên trong cùng một tổ chức khu vực.

### **2.1.3. Tình hình hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1986 - 1995)**

#### **2.1.3.1. Hợp tác giáo dục Việt Nam - Thái Lan giai đoạn 1986 - 1995**

Ngày 6 - 8 - 1976, Việt Nam và Thái Lan chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, mở ra hướng phát triển mới trong quan hệ giữa hai nước. Thông cáo chung năm 1976 đã nhấn mạnh hai nước sẽ thiết lập quan hệ hữu nghị láng giềng tốt đẹp, hợp tác kinh tế, trao đổi văn hóa trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi. Ngay sau khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, tháng 9 - 1978, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có chuyến thăm chính thức Thái Lan, chuyến thăm này là một bước tiến lịch sử góp phần xây dựng cơ sở vững chắc nhằm tăng cường tình hữu nghị giữa hai nước. Hai bên đã ra Tuyên bố chung, đặt cơ sở cho sự phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước

Trong giai đoạn 1986 - 1989, “*Vấn đề Campuchia*” vẫn là trở ngại lớn cho việc cải thiện quan hệ hợp tác giữa Việt Nam - Thái Lan. Bởi vậy, hợp tác trong lĩnh vực giáo dục nói riêng và hợp tác toàn diện giữa hai nước nói chung chưa có điều kiện để phát triển.

Bước sang năm 1989, hàng loạt các sự kiện chính trị diễn ra đã làm thay đổi cả thế giới như: Việc chấm dứt Chiến tranh lạnh dẫn tới những thay đổi căn bản trong quan hệ Mỹ - Xô - Trung, các nước dần có sự điều chỉnh căn bản trong chính sách Đông Nam Á; Việc bình thường hóa quan hệ Trung - Xô (6 - 1989), Trung - Việt (1990) và quá trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Việt được đánh dấu bằng việc thiết lập quan hệ ngoại giao (7 - 1995); “*Vấn đề Campuchia*” được giải quyết... Những sự kiện trên đã tác động tích cực tới quan hệ Việt Nam - Thái Lan, những năm tháng đối đầu khép lại, hoài nghi giảm dần và quan hệ hai nước bước sang một chương mới - thời kỳ hợp tác cùng phát triển.

Từ sau năm 1990, hợp tác giáo dục và đào tạo giữa Việt Nam và Thái Lan phát triển mạnh. Thái Lan là một trong những nước cung cấp viện trợ phát triển cho Việt Nam dù còn ở mức khá khiêm tốn.

Năm 1993, Việt Nam và Thái Lan bắt đầu có sự hợp tác trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật dưới hình thức viện trợ song phương. Ngày 10 - 12 - 1994, Hội nghị hợp tác khoa học Thái Lan - Việt Nam lần thứ hai được tổ chức. Tại Hội nghị này, Thái Lan đã ký quyết định cấp 50 suất đào tạo đại học cho cán bộ Việt Nam trong đó 40 suất dành cho đào tạo ngắn hạn và 10 suất trên đại học bậc thạc sĩ khoa học, 30 suất đặc biệt ngoài chương trình cho chuyên ngành tiếp thị và kế hoạch kinh tế. Ngoài ra, Thái Lan còn dành kinh phí cho các cán bộ Việt Nam sang học tập, tham quan tại Thái Lan [15, tr.129-130]. Mặc dù những viện trợ của Thái Lan dành cho Việt Nam trong giai đoạn này còn rất khiêm tốn song Việt Nam vẫn đánh giá cao sự giúp đỡ của nước bạn bởi trên thực tế nó rất phù hợp với những đòi hỏi cho từng lĩnh vực mà Việt Nam đang cần đến. Thông qua những viện trợ và hợp tác này, chuyên gia, giới trí thức hai nước có thêm điều kiện gần gũi, hiểu biết nhau hơn, những nghi kỵ, hiểu lầm trước đây của mỗi bên cũng vì thế dần được xóa bỏ.

Như vậy, trong giai đoạn 1986 - 1995, tuy quan hệ hai nước đã dần được cải thiện song do tập trung vào việc khôi phục và phát triển kinh tế trong nước và những mối nghi ngại giữa hai bên chưa được xóa bỏ hoàn toàn, bởi vậy hợp tác toàn diện giữa hai nước nói chung và hợp tác trong lĩnh vực giáo dục nói riêng chưa có điều kiện để phát triển. Từ sau năm 1990, hợp tác giáo dục Việt - Thái mới bắt đầu khởi sắc. Một số dự án hợp tác song phương giữa hai nước đã được triển khai và mang lại hiệu quả thiết thực.

### ***2.1.3.2. Hợp tác văn hóa Việt Nam - Thái Lan giai đoạn 1986 - 1995***

Những năm đầu sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, do tập trung vào thúc đẩy quan hệ chính trị - ngoại giao và xây dựng lòng tin nên hợp tác văn hóa Việt Nam - Thái Lan cũng chưa có điều kiện để phát triển toàn diện. Hiệp định Pari về “*Vấn đề Campuchia*” được kí kết ngày 23 - 10 - 1991 đã chấm dứt thời kì đóng băng trong quan hệ hai nước, mở ra một bước phát triển mới. Bên cạnh đó việc Việt Nam nhanh chóng cải thiện quan hệ với các nước ASEAN cũng góp

phần không nhỏ trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Thái Lan phát triển nhanh chóng. Năm 1992, các nước ASEAN đã lần lượt bãi bỏ hạn chế thương mại và đầu tư trong quan hệ với Việt Nam. Mối quan hệ giữa Việt Nam - ASEAN dần đi vào quỹ đạo ổn định.

Trong thời gian đảm nhiệm vai trò là quan sát viên của ASEAN (1993 - 1995), Việt Nam đã tích cực chuẩn bị và trực tiếp tham gia nhiều hoạt động của Ủy ban chuyên ngành về văn hóa của các nước ASEAN. Năm 1994, Việt Nam đã tham gia 5 Ủy ban hợp tác của ASEAN, trong đó có lĩnh vực văn hóa thông tin.

Ngày 28 - 5 - 1993, Hội nhà báo Việt Nam và Hội nhà báo Thái Lan đã kí bản thỏa thuận hợp tác. Theo đó, Hội Nhà báo hai nước khuyến khích báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng của mỗi nước giới thiệu với nhân dân nước mình về thành tựu xây dựng và phát triển trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội nước bạn. Hai bên thường xuyên trao đổi tài liệu về công tác thông tin, báo chí; kinh nghiệm về công tác tổ chức, quản lý, phát triển công tác của Hội. Bên cạnh đó, Hội Nhà báo hai nước cũng tham khảo ý kiến lẫn nhau, phối hợp các hoạt động chung về báo chí của các nhà báo trong khu vực và trên thế giới. Ngày 28 - 7 - 1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ bảy của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Sự kiện này đã đưa quan hệ Việt Nam với các nước ASEAN lên một tầm cao mới. Với Thái Lan, sự kiện này là một bước ngoặt thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước, đặc biệt là hợp tác trong lĩnh vực văn hóa. Là những thành viên chính thức của ASEAN, Việt Nam và Thái Lan đã tích cực phối hợp có hiệu quả các chương trình văn hóa trong khuôn khổ hoạt động của tổ chức này. Cụ thể, hai nước đã tham gia các cuộc thi tìm hiểu về ASEAN, đại hội thể dục thể thao khu vực, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc...

Tất cả các hoạt động văn hóa trên đã góp phần giúp Việt Nam, Thái Lan nói riêng và các dân tộc trong khu vực ASEAN nói chung tăng thêm sự hiểu biết,

tin tưởng lẫn nhau, cùng vươn lên và dần hình thành ý thức chung, hòa bình, hữu nghị, phấn đấu cho một ASEAN hùng mạnh và phồn vinh.

## **2.2. Hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1996 - 2015)**

### **2.2.1. Những chuyển biến mới của tình hình quốc tế, khu vực và hai nước Việt Nam - Thái Lan**

#### ***Bối cảnh quốc tế và khu vực***

Trong giai đoạn 1996 - 2015, tình hình thế giới và khu vực có nhiều bước chuyển biến mới. Xu thế chuyển từ đối đầu sang đối thoại đã thể hiện một cách rõ rệt trên toàn cầu. Trước tình thế hòa dịu và nhu cầu hợp tác tăng lên đã khiến cho các quốc gia, đặc biệt là những nước lớn cố gắng duy trì hòa bình và tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi nhất để thúc đẩy sự phát triển đất nước. Chiều hướng này đã đặt ra yêu cầu cho các nước ASEAN và Việt Nam - Thái Lan nói riêng phải tăng cường đẩy mạnh liên kết, hợp tác chặt chẽ nhiều hơn nữa.

Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ nổ ra năm 1997 đã để lại những hậu quả nghiêm trọng cho các nước ASEAN: Làm tăng khoảng cách giàu nghèo, bùng nổ xung đột sắc tộc - tôn giáo và các bất ổn xã hội khác. Đồng thời, kết quả này còn tác động tiêu cực tới tiến trình liên kết ASEAN và quá trình hợp tác giữa các nước trong đó có hợp tác về giáo dục và văn hóa.

Trong bối cảnh trên, các nước ASEAN cần có những biện pháp cụ thể nhằm khắc phục hậu quả do cuộc khủng hoảng để lại và cải thiện mối quan hệ hợp tác trong khu vực. Với chủ đề “*Đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển đồng đều*”, Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ VI ASEM đã diễn ra tại Hà Nội vào tháng 12 - 1998. Hội nghị đã thông qua hai văn kiện quan trọng là “*Tuyên bố Hà Nội*” và “*Chương trình hành động Hà Nội*” với nhiều nội dung trong đó có đề cập khá cụ thể về hợp tác giáo dục trong ASEAN, đặc biệt là hợp tác để nâng cao nguồn nhân lực.

Một vấn đề nổi bật ở khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn này là việc hoàn thành ý tưởng mở rộng ASEAN - 6 thành ASEAN - 10. Việc mở rộng ASEAN trên phạm vi tất cả các quốc gia Đông Nam Á được bắt đầu bằng sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN (7 - 1995) và trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội, đánh dấu bước ngoặt trong tiến trình liên kết và hòa giải khu vực, kết thúc tình trạng đối đầu chính trị - tư tưởng giữa hai nhóm nước Đông Nam Á (ASEAN và ba nước Đông Dương) mà quan trọng hơn là mở ra một thời kỳ lịch sử mới của liên kết khu vực. Đánh giá về sự kiện này, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ đã nhận định: *“Chúng ta vừa chứng kiến một sự kiện trọng đại trong biên niên sử ASEAN. Việc kết nạp Việt Nam vào gia đình của ASEAN có ý nghĩa to lớn hơn nhiều, chứ không phải là việc tăng dân số từ 6 lên 7. Việt Nam chắc chắn sẽ làm tăng sức sống và sức mạnh tập thể của chúng ta. Vị trí chiến lược của Việt Nam, lực lượng lao động lành nghề của Việt Nam cũng như tài nguyên thiên nhiên phong phú của Việt Nam sẽ bổ sung và làm sâu sắc thêm ý nghĩa của sự hợp tác, đoàn kết thống nhất của ASEAN”* [14, tr.168]. Việc Việt Nam gia nhập ASEAN đã mở đường cho sự tham gia của Lào và Mianma vào tháng 7 - 1997 và Campuchia vào tháng 4 - 1999. Như vậy, từ năm nước sáng lập ban đầu, đến năm 1999, ASEAN đã phát triển lên mười nước thành viên. Từ đây, ASEAN đẩy mạnh các hoạt động hợp tác, nỗ lực cùng nhau xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định và cùng phát triển.

Tháng 7 - 2001, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN lần thứ 34 được tổ chức tại Hà Nội đã triển khai thực hiện *“Sáng kiến Hội nhập khu vực (IAI)”*, đánh dấu nỗ lực mới của ASEAN trong việc khắc phục mặt trái của toàn cầu hóa. Hội nghị một lần nữa nhấn mạnh sự cần thiết tăng cường phát triển hợp tác tiểu vùng, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cũng như xã hội, giúp các thành viên mới hội nhập nhanh hơn vào xu thế chung của Hiệp hội và thế giới.



## ***Tình hình Việt Nam và Thái Lan***

Trước bối cảnh trên, Việt Nam đã tích cực mở cửa nền kinh tế, cải cách chính sách và thể chế, từng bước tham gia vào hội nhập quốc tế, đồng thời giải quyết tốt mối quan hệ với các nước trong khu vực, trong đó có Thái Lan.

Tháng 7 - 1995, Việt Nam trở thành viên chính thức của ASEAN với sự ủng hộ tích cực từ phía Thái Lan. Sự kiện này đã mang lại cho mối quan hệ Việt Nam - Thái Lan sự thay đổi về chất. Thái Lan đã gạt bỏ đi những lo ngại về sự cạnh tranh của Việt Nam sau khi gia nhập ASEAN, thay vào đó là nhìn nhận đến vai trò bổ sung của Việt Nam trong các quan hệ hợp tác đa phương. Mặt khác, việc Việt Nam chủ động, tích cực hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực với hàng loạt các sự kiện như: Việt Nam đã là quan sát viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 1995, gia nhập Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996 và Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1998 là những cơ sở hết sức thuận lợi để Việt Nam - Thái Lan tăng cường hợp tác một cách toàn diện. Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục và văn hóa giữa Việt Nam - Thái Lan trong giai đoạn này là một minh chứng cụ thể nhất.

### **2.1.2. Chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường hợp tác giáo dục, văn hóa giữa hai nước**

Trên cơ sở phân tích những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới, những xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996) đã đề ra những nhiệm vụ, mục tiêu và định hướng cụ thể trên từng lĩnh vực. Với sự nghiệp giáo dục, Đảng chủ trương phát triển mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục và đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Bên cạnh đó, việc xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh mới là hết sức quan trọng. Đại hội khẳng định, văn hoá là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát

triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện và xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh.

Trên cơ sở đó, tháng 12 - 1996, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đã ra Nghị quyết về *định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000*. Nghị quyết đã nêu lên thực trạng giáo dục - đào tạo của Việt Nam trong giai đoạn này, từ đó đề ra những định hướng chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đặc biệt nhấn mạnh tới sự tăng cường lãnh đạo của Đảng trong công tác giáo dục, đào tạo.

Trong công tác đối ngoại, Đảng chủ trương đẩy mạnh tăng cường hợp tác giáo dục, văn hóa toàn diện với các nước ASEAN. Tại Đại hội lần thứ IX (2001), Đảng xác định phải nâng cao hơn nữa hiệu quả hợp tác với các nước ASEAN với mục tiêu xây dựng khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định và phồn vinh. Tăng cường hợp tác giáo dục, văn hóa giữa các nước thành viên trong khối ASEAN chính là một thành tố quan trọng để hướng tới mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN tự cường, hùng mạnh vào năm 2020. Giao lưu, hợp tác quốc tế là một yêu cầu tất yếu để xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam. Trong quá trình giao lưu, hợp tác, hình ảnh về đất nước và con người Việt Nam cùng những nét văn hóa truyền thống sẽ được giới thiệu với bạn bè thế giới, qua đó nhân dân thế giới hiểu biết, chia sẻ và ủng hộ nhiều hơn nữa sự nghiệp đổi mới của Việt Nam.

### **2.2.3. Tình hình hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1996 - 2015)**

#### *2.2.3.1. Hợp tác giáo dục Việt Nam - Thái Lan giai đoạn 1996 - 2015*

*Các nguồn viện trợ giáo dục Thái Lan dành cho Việt Nam và một số dự án hợp tác song phương giữa hai nước*

Từ năm 1995 đến năm 1997, Thái Lan đã dành cho Việt Nam hàng loạt các dự án hợp tác hoặc viện trợ tập trung vào 5 ngành là y tế, nông nghiệp, giáo dục, công nghệ, giao thông với tổng giá trị lên tới 150 triệu Bạt, trong đó ngành

giáo dục có 4 dự án trị giá 35 triệu Bạt [15, tr.129]. Ngoài ra, theo chương trình hợp tác kỹ thuật Việt Nam - Thái Lan (1998 - 2000), Thái Lan đã giúp đỡ Việt Nam đào tạo cán bộ và hỗ trợ trong các dự án cụ thể như: Công nghệ nhuộm hoàn tất vải tơ tằm và quản lý các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ; Dự án phát triển công nghệ sản xuất cây ăn quả quy mô nhỏ ở vùng khô hạn Việt Nam; dự án Nông - Lâm nghiệp tổng hợp Khuôn Thần - Bắc Giang...[10, tr.60].

Việt Nam và Thái Lan đã phối hợp triển khai một số dự án hợp tác giáo dục song phương như: Cải tiến giáo dục từ xa ở Viện Đại học mở Hà Nội; hỗ trợ kỹ thuật cho trường Đại học Nông nghiệp III ở Bắc Thái; tăng cường khả năng đào tạo cho hai khoa Trồng trọt và Chăn nuôi của trường Đại học Nông Lâm thuộc Đại học Huế. Các dự án trên đã bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực. Hàng năm, Thái Lan dành nhiều suất học bổng đào tạo bậc đại học và sau đại học cho sinh viên Việt Nam sang học tập, nghiên cứu tại một số trường đại học có uy tín tại Thái Lan như: Mahidol, Chulalongkon, Thammasat... Trường Đại học Chulalongkon là một trong những ngôi trường lâu đời của Thái Lan đã đưa môn “*Văn hóa so sánh*” vào giảng dạy cho sinh viên trong trường. Viện nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa của trường Đại học Mahidol đã biên soạn và phát hành tạp chí “*Việt học*” bằng hai thứ tiếng Thái và Việt. Đây cũng là trường đại học sớm nhất ở Thái Lan có chương trình dạy tiếng Việt từ năm 1976 [6, tr.35].

Viện Công nghệ châu Á (AIT) được đặt trên đất Thái Lan là một cơ sở đào tạo quốc tế bậc sau đại học đã giúp Việt Nam đào tạo rất nhiều sinh viên, đóng góp vào việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam. Đến năm 2001, AIT đã đào tạo hơn 700 sinh viên sau đại học của Việt Nam, trong đó có gần 40 người bảo vệ thành công Luận án tiến sĩ [3, tr.279].

Sau phiên họp lần thứ 7 Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Thái Lan họp tại Thái Lan, từ ngày 13 đến ngày 14 - 3 - 2003 tại Băng Cốc, ngành giáo dục và đào tạo có 6 dự án đang được thực hiện theo hình thức hợp tác song phương giữa hai Chính phủ. Mỗi dự án có giá trị khoảng 50.000 USD. Tuy nhiên, đây chỉ là những

dự án mang tính chất hỗ trợ kỹ thuật như đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tổ chức các chuyến tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm. Các dự án đó bao gồm: Các khóa đào tạo ngắn hạn nâng cao năng lực quản lý và trình độ trình nghệ thông tin cho trường Đại học Hải Phòng; Đào tạo tiếng Thái tại trường Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Đào tạo tiếng Thái tại trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội; Dự án đào tạo tiếng Thái của trường Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội; Dự án hỗ trợ giảng dạy tiếng Thái như một ngoại ngữ hai tại trường Đại học Dân lập Ngoại ngữ, Tin học Thành phố Hồ Chí Minh [23, tr.103].

Năm 2004, nhân cuộc họp Nội các chung Việt Nam - Thái Lan lần thứ nhất tại Thái Lan, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục Thái Lan đã kí Bản ghi nhớ về hợp tác giáo dục giữa hai nước. Theo đó, hai bên sẽ tìm cách thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giáo dục thông qua các hoạt động trao đổi các đoàn khảo sát, khuyến khích và tạo điều kiện cho các trường đại học hai nước được giao lưu và hợp tác với nhau.

Nhằm hỗ trợ tích cực việc dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, giúp cho các thế hệ người Việt Nam ở nước ngoài không quên tiếng Việt, có thể nghe, nói, đọc, viết, giao tiếp bằng tiếng Việt, giữ gìn và củng cố bản sắc dân tộc, duy trì, phát huy tình cảm và ý thức hướng về cội nguồn, hướng về đất nước, năm 2004, chính phủ Việt Nam đã phê duyệt đề án “*Hỗ trợ việc dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài*”. Đề án được triển khai trong thời gian 4 năm (2004 - 2008). Trong khuôn khổ đề án này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cử giáo viên dạy tiếng Việt sang trường Thái Lan để dạy tiếng Việt và thành lập một số trung tâm dạy tiếng Việt tại nước bạn. Tiếng Việt là một trong những ngoại ngữ được đưa vào dạy như một môn học chính thức.

Hàng năm, chính phủ Thái Lan đều dành các chương trình học bổng cho Việt Nam. Trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến năm 2008, Thái Lan đã cung cấp cho Việt Nam 41 suất học bổng, cụ thể: Năm 2001 - 10 suất; 2002 - 2 suất; 2003 - 6 suất; 2004 - 5 suất; 2005 - 5 suất; 2006 - 3 suất; 2007 - 4 suất và 2008 - 6 suất [2, tr.1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam rất coi trọng các chương trình học bổng này của nước bạn. Mặc dù số lượng học bổng còn hạn chế song đã mở ra những cơ hội mới cho học sinh, sinh viên Việt Nam được tiếp cận với nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại và học tập trong môi trường mang tính quốc tế, góp phần nâng cao trình độ nguồn nhân lực cho Việt Nam.

Song song với các chương trình học bổng dài hạn, Thái Lan cũng mời Việt Nam tham dự nhiều hội nghị, hội thảo, khóa tập huấn ngắn hạn và các chương trình giao lưu tại Thái Lan. Nhiều cán bộ giáo dục của Việt Nam đã được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn như: Thúc đẩy thương mại quốc tế; Trường bạn hữu nghị: Lý thuyết và thực hành... Qua đó, được cập nhật kiến thức về chuyên môn và quản lý, nâng cao trình độ và tiếp thu được những phương pháp giảng dạy hiện đại từ nước bạn.

Việt Nam và Thái Lan cũng rất quan tâm tới việc tổ chức các khóa bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho giáo viên người Thái và người Việt Nam đang giảng dạy tại các trường học hoặc trong cộng đồng người Việt ở Thái Lan. Năm 2010 và 2012, có hai khóa bồi dưỡng đã được Bộ Giáo dục hai nước tổ chức thành công với gần 40 học viên tham gia. Năm 2013 và 2014, do hạn chế về kinh phí nên phía Việt Nam không cử giảng viên sang tập huấn cho giáo viên tại Thái Lan song Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức hai khóa tập huấn tại Hà Nội cho các giáo viên dạy Tiếng Việt tại nhiều nước khác nhau trên thế giới, trong đó có Thái Lan.

Chính phủ Thái Lan đã hỗ trợ chương trình giảng dạy tiếng Thái cho 5 trường đại học của Việt Nam, bao gồm: Trường Đại học Ngoại ngữ và Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Hà Nội;

Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Đà Nẵng. Đây là một chương trình rất hữu ích góp phần đáp ứng nhu cầu đào tạo Tiếng Thái cho học sinh, sinh viên Việt Nam; cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp, công ty của Thái Lan muốn triển khai hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Năm 2013, Thái Lan đã chủ trì tổ chức và mời đại diện các nước thành viên SEAMEO tham dự Hội thảo về hướng tới giáo dục cho những nhóm đối tượng chưa được tiếp cận giáo dục trong khu vực, tại Băng Cốc. Tiếp đó, trong năm 2014, nhằm tăng cường giới thiệu về văn hóa và ngôn ngữ Thái Lan, Bộ Giáo dục Thái Lan mời một đoàn gồm 10 cán bộ, giảng viên của Việt Nam sang tỉnh Sakon Nakhon, Thái Lan trong thời gian 10 ngày để tìm hiểu về ngôn ngữ và văn hóa Thái Lan.

Năm 2015, nhân dịp kỉ niệm 60 năm ngày sinh công chúa Thái Lan Maha Charki, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã cung cấp cho phía Thái Lan một số ảnh tư liệu trong quá trình thực hiện dự án “*Nâng cao chất lượng cuộc sống cho trẻ em và thiếu niên khu vực châu Á – Thái Bình Dương*”. Đây là dự án được triển khai theo sáng kiến của Công chúa bắt đầu từ năm 2006 tại 4 cơ sở giáo dục thuộc diện khó khăn ở miền Bắc Việt Nam [47].

#### *Hợp tác giữa các cơ sở giáo dục hướng nghiệp Việt Nam - Thái Lan*

Việc tăng cường thúc đẩy hợp tác trong các chương trình giáo dục và đào tạo hướng nghiệp, trao đổi giáo viên giữa các cơ sở giáo dục cũng đã được Việt Nam và Thái Lan quan tâm. Trong khuôn khổ dự án nhằm nâng cao chất lượng của các nguồn lực lao động, đáp ứng cho thị trường ASEAN và giúp giải quyết tình trạng thiếu lao động lành nghề trong tương lai, ở Việt Nam đã có hai trung tâm đào tạo nghề Việt Nam - Thái Lan đặt tại Trường trung cấp nghề Quảng Trị và Trường Cao đẳng công nghiệp Huế. Ở Thái Lan, một trung tâm đào tạo nghề Thái Lan - Việt Nam cũng đã được thành lập tại Trường Cao đẳng nghề Nawamintharachini, nằm ở khu vực phía Đông Bắc tỉnh Mueang-han. Các

trung tâm giáo dục hướng nghiệp này sẽ hỗ trợ việc quản lý dạy nghề ở cả Việt Nam và Thái Lan, cùng nhau nghiên cứu, phối hợp để đưa ra các chương trình dạy nghề theo hệ cao đẳng, các khóa đào tạo ngắn hạn bằng Tiếng Thái và Tiếng Việt và các ngành nghề khác như nấu ăn (món Thái), sửa chữa xe máy, điện và điện tử.

Từ tháng 5 - 2014, các khóa học theo hệ cao đẳng kéo dài 3 năm và sử dụng Tiếng Anh trong giảng dạy. Đây chính là một lợi thế để giúp sinh viên trang bị tốt kiến thức, kỹ năng, sẵn sàng cạnh tranh hiệu quả trong thị trường lao động ASEAN. Trong năm đầu tiên, sinh viên Việt Nam và Thái Lan được học tại nước sở tại. Năm thứ hai, sinh viên Thái - Việt được trao đổi vị trí học tập cho nhau. Năm cuối cùng, toàn bộ sinh viên trong chương trình sẽ học tập tại Thái Lan và có thời gian thực tập tại các nhà xưởng [44].

#### *Hợp tác giáo dục đại học*

Hợp tác giáo dục và đào tạo giữa các trường đại học của Thái Lan và Việt Nam diễn ra khá mạnh mẽ. Nhiều trường đại học của Việt Nam mong muốn hợp tác đào tạo với các trường đại học có uy tín của Thái Lan để học hỏi kinh nghiệm và tiếp thu công nghệ đào tạo của trường bạn. Thái Lan là nước có một hệ thống giáo dục đại học tương đối hoàn chỉnh. Tính đến năm học 2007 - 2008, Thái Lan có 112 trường đại học với 2.032 triệu sinh viên và 59.562 giảng viên. Năm 2009, Việt Nam có 376 trường đại học, học viện và cao đẳng. Năm 2014, Tổ chức xếp hạng các trường đại học trên thế giới (Consejo Superior de Investigaciones Cientificas) đã công bố bảng xếp hạng các trường đại học trên Webometrics, theo đó, Đại học Quốc gia Hà Nội đang có vị trí đứng đầu Việt Nam và xếp thứ 23 trong khu vực Đông Nam Á còn Đại học Mahidol của Thái Lan xếp thứ 2 Đông Nam Á [11, tr.50].

Việt Nam và Thái Lan đã đa phương hóa, đa dạng hóa các loại hình hợp tác, đẩy mạnh giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học. Tăng cường mở rộng và chính thức hóa các hoạt động hợp tác, trao đổi giảng viên, sinh viên giữa các

trường đại học, phát triển hoạt động liên doanh, liên kết trong việc tuyển sinh, đào tạo đại học cho sinh viên Việt Nam và Thái Lan. Phát triển các dự án nghiên cứu nhằm tăng cường học tập và trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau. Hai nước cũng đẩy mạnh xúc tiến các chương trình hợp tác xây dựng giáo dục chung giữa các trường đại học. Ở cả hai nước đều có các trường đại học dạy Tiếng Việt và Tiếng Thái.

Từ năm 1999, nhằm giới thiệu về giáo dục đại học của Thái Lan, Bộ Giáo dục Thái Lan đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam tổ chức “*Hội thảo - Triển lãm giới thiệu về giáo dục đại học Thái Lan tại Việt Nam*”. Hoạt động này được tổ chức định kỳ hai năm một lần. Tại Hội thảo, các trường đại học Thái Lan giới thiệu các chương trình đào tạo quốc tế cho giáo viên, học sinh, sinh viên Việt Nam, từ đó tạo cơ hội để mở rộng hợp tác liên đại học giữa các trường đại học của hai nước. Ngoài ra, chính phủ Thái Lan cũng dành nhiều suất học bổng cho sinh viên Việt Nam trong khuôn khổ chương trình hội thảo này.

Trường Đại học Rajabhat Nakhon Phanom - Thái Lan và Trường Đại học Vinh của Việt Nam đã cụ thể hóa chương trình hợp tác dựa vào nội dung thỏa thuận khung được nêu ra trong Biên bản ghi nhớ vào tháng 4 năm 2008 để cụ thể hoá chương trình hợp tác. Đại diện hai trường đã bàn bạc cụ thể và đưa ra các lĩnh vực hợp tác chi tiết. Làm việc với đại diện Khối Trung học phổ thông chuyên Toán - Lý - Hoá - Tin thuộc trường Đại học Vinh, lãnh đạo hai trường đã quyết định mở khoá bồi dưỡng Toán cho đội ngũ cán bộ giảng dạy bộ môn Toán cấp Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông của Nakhon Phanom vào tháng 8 năm 2009 và lớp bồi dưỡng cho các em học sinh có năng khiếu Toán vào tháng 10 năm 2009 tại Nakhon Phanom - Thái Lan do trường Đại học Vinh trực tiếp giảng dạy. Bên cạnh chương trình hợp tác đào tạo, hai trường còn triển khai chương trình nghiên cứu khoa học với các đề tài mang tính xã hội cao, trong đó hai đề tài được ưu tiên nghiên cứu đó là: *Nghiên cứu văn hoá của cộng đồng*



*người Việt Nam tại Nakhon Phanom ; Nghiên cứu và so sánh văn hoá của người Pru Thái tại Nakhon Phanom và người Thái tại Nghệ An.* Trong chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học này, hai trường thống nhất gửi đề cương nghiên cứu bằng Tiếng Anh cho nhau vào ngày 15 - 5 - 2009. Thời gian kết thúc đề tài nghiên cứu vào tháng 2 năm 2010. Sau khi ký kết chương trình hợp tác cụ thể, lãnh đạo trường Đại học Vinh đã phân công cho các đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung đã ký kết. Đây cũng là một chương trình hợp tác quan trọng nhằm nâng cao sự hiểu biết giữa hai dân tộc, tăng cường đoàn kết quốc tế nói chung và hai trường Đại học Vinh và Đại học Rajabhat Nakhon Phanom nói riêng [11, tr.51].

Trường Đại học Chulalongkon là trường Đại học lâu đời nhất ở Thái Lan. Tiền thân của trường này là trường huấn luyện về quản lý nhà nước do Quốc vương Chulalongkon (Rama V) sáng lập. Đại học Chulalongkon đã ký kết thỏa thuận hợp tác giáo dục với Trường Đại học Texas (Mỹ) vào năm 1954. Từ đó đến nay, trường luôn đẩy mạnh liên kết đào tạo với các trường Đại học quốc tế, khu vực, đưa ra chương trình học bổng dành cho sinh viên xuất sắc từ các nước láng giềng như Campuchia, Mianma, Lào và Việt Nam.

Ngày 22 - 10 - 2010, đại diện trường Đại học Chulalongkon - Khoa Thương mại và kế toán đã có buổi làm việc tại Khoa kinh tế và Kinh doanh quốc tế - Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. Lãnh đạo hai trường đã cùng nhau trao đổi, tập trung vào việc hợp tác, nghiên cứu đào tạo giữa hai trường. Phía trường bạn đã đề xuất một số hướng hợp tác đào tạo sau đại học, cung cấp cho cán bộ, giảng viên, học viên trường Đại học Kinh tế và Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế những suất học bổng ưu tiên để theo học chương trình đào tạo tiến sĩ tại Thái Lan.

Trường Đại học Srinakharinwirot - một trong những ngôi trường uy tín của Thái Lan đã có nhiều chuyến thăm và làm việc với các trường đại học và học viện của Việt Nam. Ngày 21 - 7 - 2011, Trường Đại học Srinakharinwirot với 14 thành

viên do bà Kittima Sungkasem - Trưởng khoa Khoa học xã hội dẫn đầu đã đến thăm và làm việc với Học viện Khoa học xã hội (GASS). Chuyến thăm này của Trường Đại học Srinakharinwirot nhằm mục đích giao lưu, tìm hiểu và tiến tới hợp tác lâu dài về đào tạo với GASS. Tại buổi làm việc, hai bên đã giới thiệu về quy mô, chiến lược đào tạo của khoa mình. GS.TS Võ Khánh Vinh - Giám đốc GASS đã giới thiệu về học viện, các ngành đã và đang đào tạo, các định hướng xây dựng và phát triển lâu dài của GASS về xây dựng đội ngũ và phát triển nguồn lực, phục vụ cho công tác đào tạo đa liên ngành về khoa học xã hội, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng đưa GASS trở thành một cơ sở đào tạo sau đại học lớn nhất cả nước về khoa học xã hội, chủ động hợp tác với các nước trong khu vực và quốc tế.

Khoa Khoa học xã hội của Đại học Srinakharinwirot được thành lập từ năm 1975 và hiện đang đào tạo 5 chuyên ngành: Văn, sử, địa, chính trị và quản trị doanh nghiệp. Hai trường đã trao đổi và cùng nhau phối hợp đào tạo, cấp bằng thạc sĩ ở một số ngành học. Phối hợp tổ chức đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn trong các lĩnh vực tri thức mới: Quyền con người, Chính sách công...cùng nỗ lực tìm kiếm sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để nâng cao hợp tác về đào tạo, tổ chức hội thảo khoa học chung. Ngôn ngữ sử dụng trong chương trình hợp tác giữa hai cơ sở là Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh. Hai bên đã đi tới thống nhất kí bản MOU hợp tác liên kết vào ngày 19 - 12 - 2011 [11, tr.52].

Ngày 3 - 5 - 2012, GASS tiếp tục có buổi làm việc với Khoa Kinh tế và Chính sách Công thuộc Trường Đại học Srinakharinwirot. Trong cuộc họp lần này, phía Trường Đại học Srinakharinwirot mong muốn phối hợp với GASS để cùng nhau trao đổi, tìm hiểu về cơ hội hợp tác nghiên cứu đào tạo tiến tới sự hợp tác lâu dài, đồng thời mời GASS tham gia dự án nghiên cứu tác động của “*Hành lang Đông - Tây*” giữa 4 nước Việt Nam, Lào, Thái Lan, Mianma. Đây là dự án mà Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thái Lan đang xúc tiến lập đề

cương. Nếu dự án này được phê duyệt sẽ cần tới các chuyên gia của Việt Nam trong các lĩnh vực Xã hội học, Tài nguyên môi trường, Cơ sở giao thông và Luật học.

Đại diện cho GASS, GS.TS Võ Khánh Vinh - Giám đốc Học viện đã thể hiện sự đồng lòng và sẵn sàng phối hợp với phía bạn cùng tham gia nghiên cứu. Để thực hiện dự án GASS huy động các chuyên gia sử dụng thành thạo Tiếng Anh từ các khoa như: Kinh tế học, Văn hóa học, Luật học, Phát triển bền vững... tạo thành nhóm nghiên cứu đại diện tại Việt Nam. GASS cũng hi vọng phía Thái Lan sẽ tìm Tổng chỉ huy của Dự án làm đầu mối liên lạc để kết nối giữa hai nước. Các cuộc gặp mặt và làm việc đã mở ra những triển vọng tốt đẹp về chương trình hợp tác quốc tế giữa GASS và Trường Đại học Srinakharinwirot và được xem là bước khởi đầu cho sự hợp tác lâu dài giữa hai bên.

Hai tỉnh Kon Tum của Việt Nam và Ubon Rachathani Rajabhat của Thái Lan cùng nằm trong tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, bởi vậy việc thiết lập mối quan hệ giữa Trường Đại học Ubon Rachathani Rajabhat (UBRU) và Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum mang ý nghĩa to lớn. Ngày 14 - 12 - 2011, Phó Giáo sư Vút Ly Nam - Hiệu phó Trường UBRU và TS.Đoàn Gia Dũng - Giám đốc Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum đã cùng nhau kí kết thỏa thuận hợp tác. Theo đó, hai trường đã triển khai các hoạt động hợp tác trên nhiều lĩnh vực liên kết đào tạo, trao đổi các hoạt động văn hóa và tham gia các hoạt động nghiên cứu. Đây là dấu mốc quan trọng trong quá trình thiết lập mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa Trường UBRU Thái Lan và Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum, đánh dấu sự hợp tác lâu dài, bền chặt và hướng tới sự hợp tác toàn diện hơn trong giáo dục và đào tạo, giao lưu văn hóa, nghiên cứu khoa học giữa hai trường trong tương lai, đồng thời góp phần củng cố thêm bề dày hợp tác giữa hai nước [11, tr.52].

Đại học Udon Thani Rajabhat (UDRU) là một trong những trường đại học đang phát triển ở Thái Lan. Hàng năm, UDRU đều có các chương trình liên kết và hợp tác với các trường đại học của Việt Nam. Tháng 8 - 2011, Trường Đại học Nha Trang và Trường UDRU đã kí thỏa thuận hợp tác với các nội dung chính như: Trao đổi giảng viên, học viên và sinh viên; tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn; đồng tổ chức các hội thảo quốc tế, hội thảo chuyên đề; giao lưu văn hóa, nghệ thuật. Trên cơ sở đó, hai trường đã triển khai nhiều hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực. Tháng 3 - 2012, Trường UDRU đã cử 10 cán bộ sang học khóa học về “*Công nghệ chế biến thủy sản và an toàn thực phẩm*” tại Đại học Nha Trang. Sự thành công của khóa đào tạo là tiền đề để phát triển mối quan hệ hợp tác ngày càng sâu rộng giữa hai trường. Năm 2014, Trường UDRU tiếp tục cử 30 sinh viên sang học tập các chuyên đề về du lịch tại Trường Đại học Nha Trang; Đại học Nha Trang đã cử cán bộ tham dự hội thảo quốc tế tại UDRU vào cuối năm 2014. Ngoài ra, hai bên còn phối hợp cùng tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao nhân dịp kỷ niệm 55 năm thành lập Đại học Nha Trang.

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội (ĐH KHXV&NV) là một trường đại học ở Việt Nam có nhiều bản thỏa thuận và liên kết hợp tác với các trường đại học ở Thái Lan. Trong giai đoạn 2000 - 2014, đã có đến 20 văn bản được kí kết bao gồm các trường: Chiang Mai, Silpakorn, Rajabhat Chiangrat, Rajabhat Sakon Nakhon, Nakhon Pathom Rajabhat, Rajabhat Phranakhon, Bangsomdeji Chaopraya Rajabhat, Ubon Rajathanee, Loei Rajabhat, E-sarn, Valaya Alongkorn Rajabhat, Spriatum, Chulalongkon, Thammasat, Mahidol, Nakhon Ratchasima Rajabhat. Các thỏa thuận hợp tác thường có hiệu lực từ 3 đến 5 năm. Hàng năm có 50 đến 60 sinh viên sang Trường ĐH KHXH&NV và ngược lại có khoảng 10 sinh viên của các trường sang học tập tại các trường Đại học của Thái Lan [11, tr.54].

Đại học Thammasat Thái Lan được thành lập từ năm 1934, đào tạo rất nhiều lĩnh vực như: Khoa học xã hội và nhân văn (Luật, Kinh tế, Quản lý xã hội, Nghệ thuật, Báo chí và truyền thông...); Khoa học và kỹ thuật; Khoa học và sức khỏe... Ngày 10 - 9 - 2009, Trường ĐH KHXH&NV đã kí kết văn bản hợp tác có hiệu lực 5 năm với Đại học Thammasat. Theo đó, hai bên thống nhất cùng hợp tác trong các hoạt động chung: Trao đổi học giả, cán bộ quản lí, sinh viên, học viên sau đại học; trao đổi các tài liệu, ấn phẩm khoa học; cùng tham gia các chương trình nghiên cứu; cùng tổ chức các seminar và hội thảo khoa học; trao đổi kinh nghiệm đào tạo và quản lí.

Ngày 15 - 01 - 2013, Trường ĐH KHXH&NV Hà Nội đã kí kết thỏa thuận hợp tác với trường Đại học Mahidol. Trong buổi lễ kí kết, hai trường đã trao đổi và thống nhất các chương trình hợp tác như: Trao đổi giảng dạy và nghiên cứu, trao đổi sinh viên, cộng tác về giáo dục và đào tạo, phối hợp các khóa huấn luyện ngắn, trao đổi tài liệu khoa học (Tạp chí, sách, chương trình giảng dạy), các dự án nghiên cứu và đồng tổ chức các hội thảo quốc tế. Dự kiến hai hội thảo quốc tế gồm “*Vai trò của Việt Nam và Thái Lan trong việc xây dựng Cộng đồng ASEAN*”; “*Nghiên cứu ngôn ngữ và văn hoá Tai - Kradai ở khu vực Đông Nam Á*” sẽ được hai trường luân phiên tổ chức tại Hà Nội và Băng Cốc vào năm 2013 và 2014 [50].

Ngày 18 - 2 - 2014, PGS.TS. Hà Thanh Toàn, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ và TS. Prayyote Kupgarnjanagool, Hiệu trưởng Đại học Suratthani Rajabhat đã ký kết bản ghi nhớ hợp tác (MOU) tại Đại học Cần Thơ. Thực hiện đầy mạnh hợp tác quốc tế nhằm tăng cường việc chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và các nguồn lực về đào tạo cũng như hợp tác nghiên cứu cùng phát triển và cùng hướng đến Cộng đồng chung ASEAN vào năm 2015. Trường Đại học Cần Thơ đã ký kết và triển khai các hoạt động hợp tác với 08 trường đại học của Thái Lan gồm: Dhurakij Pundit, Kasesart, Maejo, Nakhon Phanom, Phranakhon Rajabhat, Prince of Songkla, Đại học Kỹ thuật Rajamangala Srivijaya và

Suratthani Rajabhat. Đại học Cần Thơ mong muốn được tiến hành các hoạt động hợp tác toàn diện và thành công với Đại học Suratthani Rajabhat trong tương lai. Đại học Suratthani Rajabhat có thế mạnh về đào tạo các lĩnh vực Sư phạm, Khoa học xã hội và nhân văn, Khoa học và Du lịch,... Đây là những lĩnh vực mà Đại học Cần Thơ quan tâm ưu tiên phát triển. Hiệu trưởng Đại học Suratthani Rajabhat bày tỏ sự tin tưởng vào sự nỗ lực và quyết tâm chung của hai bên sẽ góp phần thúc đẩy mối quan hệ hợp tác của hai trường tiến đến thành công trong tương lai [11, tr.54].

Như vậy, giữa các trường Đại học của Việt Nam và Thái Lan đã có nhiều hoạt động hợp tác mang lại hiệu quả thiết thực. Các trường đã cùng nhau phối hợp xây dựng nhiều chương trình hợp tác cụ thể và ý nghĩa về trao đổi học thuật, tăng cường cơ hội học tập, hỗ trợ nhau thúc đẩy giáo dục phát triển.

Giáo dục và đào tạo là một vấn đề lớn, mang tính quyết định trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia, đồng thời cũng là hình thức liên kết để thúc đẩy giáo dục của mỗi nước phát triển. Bởi vậy, Việt Nam và Thái Lan đều đặc biệt quan tâm tới lĩnh vực này.

Trong giai đoạn 1996 - 2015, Việt Nam và Thái Lan đã có nhiều nỗ lực tăng cường hợp tác trong giáo dục và đạt được một số kết quả nhất định. Sự nỗ lực và quyết tâm chung của hai nước đã góp phần thúc đẩy và nuôi dưỡng tình bằng hữu tốt đẹp Việt - Thái, góp phần tác động và thúc đẩy kinh tế, chính trị giữa hai nước. Đặc biệt, giáo dục đại học đã tạo ra động lực làm tăng cường sức mạnh để xây dựng một xã hội xã hội tự lực tự cường dựa trên nền tảng tri thức. Những thành quả đạt được trong hợp tác giáo dục Việt Nam - Thái Lan là kết quả của một quá trình đoàn kết, hữu nghị trong mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước. Thúc đẩy hợp tác giáo dục được tiến hành đồng thời trên cả quan hệ song phương và đa phương qua các chương trình ASEAN vừa góp phần củng cố quan hệ Việt Nam - Thái Lan nói riêng vừa thể hiện tinh thần đoàn kết khu vực nói chung. Trên cơ sở quan hệ hai nước luôn phát triển thuận lợi, chúng ta

hoàn toàn có thể tin tưởng hợp tác giáo dục Việt Nam và Thái Lan sẽ tiếp tục được mở rộng, khai thác tốt hơn nữa mọi nguồn lực, nâng cao chất lượng giáo dục của hai bên trong tương lai.

### **2.2.3.2. Hợp tác văn hóa Việt Nam - Thái Lan giai đoạn 1996 - 2015**

#### *Hợp tác giữa các cơ quan chuyên trách hai nước*

Ngày 8 - 8 - 1996, Việt Nam và Thái Lan chính thức kí Hiệp định hợp tác văn hóa. Đây là Hiệp định hợp tác trong khuôn khổ giáo dục, khoa học và kỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, thể thao, thông tin... Hiệp định là cơ sở quan trọng để hai nước triển khai một cách toàn diện các chương trình hợp tác và giao lưu văn hóa.

Nhằm tăng cường thông tin hai chiều trong quan hệ hợp tác giữa hai nước cũng như giúp nhân dân hai nước có điều kiện hiểu biết nhau hơn, Việt Nam và Thái Lan đã trao đổi tùy viên quân sự và thiết lập quan hệ ngoại giao cấp Đại sứ quán. Phía Việt Nam đã đề nghị Thái Lan cho lập phân xã Thông tấn xã Việt Nam, văn phòng đại diện báo nhân dân ở Thái Lan cùng nhiều phóng viên báo chí của Việt Nam được cử sang học tập và tác nghiệp tại nước bạn.

Trong hai năm 1996 và 1997, Hội hữu nghị Việt - Thái và Hội hữu nghị Thái - Việt lần lượt được thành lập ở hai nước. Đây chính là cầu nối quan trọng để hai bên cùng nhau thực hiện các chương trình hợp tác về văn hóa. Hàng năm Hội hữu nghị Việt Nam - Thái Lan đã tổ chức và triển khai nhiều hoạt động văn hóa có ý nghĩa. Điển hình nhất là tổ chức vui Tết cổ truyền cho kiều bào và các lưu học sinh Thái Lan tại Việt Nam, liên hoan ẩm thực các món ăn Thái, tổ chức gặp mặt đại diện Việt Kiều Thái Lan trở về nước... Tháng tư hàng năm là dịp người dân Thái Lan háo hức đón chào Tết cổ truyền của dân tộc. Tết Songkran được diễn ra từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 4, đây là một trong những lễ hội lớn nhất của nhân dân ở xứ sở Chùa Vàng. Nhân dịp này, Hội cũng như các tổ chức đoàn thể, các trường đại học nơi có người dân và lưu học sinh Thái Lan đang học

tập, làm việc, sinh sống đã tổ chức Tết thật trang trọng và đầm ấm với nhiều hoạt động như: Lễ hội té nước, thưởng thức các điệu múa Thái truyền thống và các món ăn ngày Tết của Thái Lan. Đây là cơ hội để người dân Việt Nam tìm hiểu thêm một nét văn hóa đặc sắc của xứ sở Chùa Vàng. Có thể thấy, với những hoạt động mà Hội hữu nghị Việt Nam - Thái Lan thực hiện đã góp phần giới thiệu cho người dân Việt Nam về lịch sử, về những nét đẹp của văn hóa Thái Lan. Qua đó, thắt chặt thêm tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước cũng như bồi đắp thêm tình cảm cho các thế hệ học sinh, sinh viên dành cho các lưu học sinh nước bạn. Cũng qua đây, nhân dân Thái Lan được cung cấp thêm những thông tin về truyền thống lịch sử và những thành tựu nổi bật trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam.

Tháng 12 - 1999, Bảo tàng Hồ Chí Minh đã kí với Quỹ mạng lưới nghiên cứu và phát triển Thái Lan, Trung tâm Thông tin Văn hóa tỉnh Nakhon Phanom văn bản thỏa thuận hợp tác xây dựng Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bản Mạy - Thái Lan. Đây là một công trình có ý nghĩa lớn và đánh dấu bước phát triển mới về hợp tác văn hóa giữa hai nước Việt Nam - Thái Lan. Trong số các di sản văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại ở Thái Lan, Bản Mạy thuộc huyện Mương, tỉnh Nakhon Phanom nổi lên như một điểm sáng, thể hiện khá đầy đủ những nội dung minh chứng cho những hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, Hội thân ái, Hội hợp tác, Những tổ chức cách mạng tiền thân do chính Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí của Người sáng lập và cổ vũ. Trong thời gian sống tại Bản Mạy, Nguyễn Ái Quốc với bí danh Thầu Chín đã ở trong nhà của ông Võ Trọng Đài, ngoài thời gian đi vận động, tổ chức phong trào yêu nước, Người còn tham gia nhiều hoạt động của Hội hợp tác như: Dựng nhà, trồng lúa, đóng gạch...và khuyên các hội viên trong Hội hợp tác làm một ngôi nhà đảng hoàng để sinh hoạt gọi là Nhà hợp tác. Đồng thời, Người cũng động viên kiều bào tại đây học tiếng Thái để hiểu phong tục, tập quán và được cư dân bản địa quý mến. Người còn chủ trương mở trường học cho trẻ em, dạy trẻ em chữ Việt để các



em không quên gốc gác. Những điều ông Chín dạy đã trở thành bài học cho các thế hệ Việt kiều ở Bản Mạ nói riêng và Việt kiều ở Thái Lan nói chung: Dù sống nơi đâu cũng luôn hướng về Tổ quốc và hết lòng đoàn kết hữu nghị với nhân dân nước bạn.

Năm 2001, chính quyền tỉnh Nakhon Phanom đã cùng bà con, cư dân Bản Mạ chung tay dựng lại Nhà hợp tác trên nền đất cũ với những vật dụng sinh hoạt đúng như thời kỳ mà Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí của mình đã sử dụng trong những năm 1928 - 1929. Đầu năm 2003, chính phủ Thái Lan đã phê duyệt Dự án Làng hữu nghị Thái - Việt với mục tiêu giữ lại không gian dân tộc học làng Bản Mạ với đền thờ Đức Thánh Trần, Nhà hợp tác (khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh), đồng thời làm mới một số công trình, trọng tâm là khu Trung tâm thông tin với hội trường, nhà trưng bày triển lãm - thông tin giới thiệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về đất nước con người Việt Nam, về quan hệ hợp tác hữu nghị Việt - Thái.

Tháng 1 - 2004, chính phủ hai nước Việt Nam và Thái Lan đã tổ chức Hội nghị Liên Chính phủ Việt - Thái và quyết định thành lập Làng hữu nghị Thái - Việt tại Bản Mạ. Ngày 21 - 2 - 2004, khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh công đã được khánh thành trong niềm vui mừng của bà con Việt Kiều và những người dân thuộc tỉnh Nakhon Phanom sau hơn 3 năm khởi công xây dựng. Kể từ đây, những người Việt Nam xa quê được hành hương trở về cội nguồn dân tộc, đồng thời những người dân Thái Lan cũng có thể đến đây để bày tỏ sự ngưỡng mộ và lòng kính trọng của mình với Bác Hồ - Người đã đặt nền móng cho quan hệ hai nước trong những năm đầu thế kỉ XX [6, tr.35].

Nhân dịp kỉ niệm 35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Thái Lan (1976 - 2011), chào mừng 66 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945 - 2011) và kỉ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (1911 - 2011), chính quyền tỉnh Udon phối hợp các cơ quan hữu quan Việt Nam tổ chức Lễ khánh thành Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại

Udon Thani - Thái Lan. Đây là một tỉnh lớn của vùng Đông Bắc Thái Lan, trong hai năm 1928 - 1929, Nguyễn Ái Quốc đã tới đây để gây dựng phong trào yêu nước. Mặc dù thời gian Bác hoạt động ở tỉnh Udon không lâu, song những việc làm của Người cùng với lối sống giản dị, gần gũi đã để lại ấn tượng sâu sắc và là hình ảnh đẹp trong tâm trí của những Việt kiều và nhân dân Thái Lan. Vì vậy, chính quyền địa phương và nhân dân nơi đây đã dựng lại khu di tích Bác Hồ trên nền nhà cũ. Ngôi nhà chính, nhà chứa thóc, cùng những đồ dùng mộc mạc (giường ngủ, bàn ghế, chum vại đựng nước...), chuồng trại chăn nuôi gia cầm... đã được phục hồi lại bằng gỗ, tre, nứa giống như thời gian Bác hoạt động ở đây. Năm 2011, Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành. Đây là một công trình có ý nghĩa to lớn, không chỉ giúp người dân địa phương hiểu thêm về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà còn là biểu tượng của tình hữu nghị giữa hai nước.

Trên tinh thần hữu nghị, láng giềng thân thiện giữa hai dân tộc, từ ngày 25 đến ngày 27 - 6 - 2013, nhận lời mời của Thủ tướng Chính phủ Vương quốc Thái Lan Yingluck Shinawatra, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã sang thăm chính thức Vương quốc Thái Lan. Đây là chuyến thăm chính thức Vương quốc Thái Lan lần thứ 2 của Tổng Bí thư Đảng ta, theo lời mời của Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Thái Lan, đúng 20 năm sau chuyến thăm Thái Lan đầu tiên của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười vào năm 1993. Chuyến thăm diễn ra trong bối cảnh quan hệ giữa hai nước Việt Nam và Thái Lan đang phát triển tốt đẹp, là dấu mốc, động lực quan trọng thúc đẩy quan hệ hai nước, đồng thời có ảnh hưởng tích cực thúc đẩy xây dựng Cộng đồng ASEAN gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế và trách nhiệm xã hội, phát huy vai trò trung tâm của Hiệp hội các nước Đông Nam Á trong cấu trúc khu vực, vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Cũng trong chuyến thăm này, sáng ngày 26 - 6, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đến thăm Làng hữu Nghị Thái - Việt tại Bản Mạy, huyện Mương của tỉnh Nakhon Phanom và thăm quan Nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh trong Làng

hữu nghị. Nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh là một trong những minh chứng cho tình hữu nghị giữa hai nước, sự yêu quý ngưỡng mộ của nhân dân Thái Lan, nhân dân Việt Nam đối với Bác Hồ. Trong cuộc gặp gỡ thân mật với cộng đồng người Việt tại Làng hữu nghị, Tổng Bí thư đã khẳng định và tin tưởng cộng đồng người Việt ở Thái Lan nói chung và Việt kiều ở tỉnh Nakhon Phanom nói riêng sẽ luôn là cầu nối quan trọng cho tình hữu nghị giữa hai nước, vừa hoàn thành thành trách nhiệm công dân, tôn trọng pháp luật nước sở tại nhưng đồng thời cũng luôn hướng về cội nguồn dân tộc. Nhân dịp này, Tổng Bí thư đã thay mặt Đảng và Nhà nước trao tặng số tiền trị 30 tỷ đồng cho Hội Việt kiều tỉnh Nakhon Phanom để xây dựng Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Làng hữu nghị Thái - Việt [31]. Đây là một công trình văn hóa, lịch sử được xây dựng bởi sự kết hợp giữa tâm nguyện tha thiết của bà con Việt kiều tại Thái Lan và tình cảm của Đảng, nhà nước và nhân dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, một địa chỉ đỏ cho nhiều thế hệ người Việt Nam đến tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp và tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Tiếp tục nghiên cứu, học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trên nền tảng mối quan hệ hai nước ngày càng được thúc đẩy và phát triển tốt đẹp, các bộ, ngành, cơ quan văn hóa của Việt Nam và Thái Lan đã tăng cường đẩy mạnh hơn nữa trong giao lưu, hợp tác và trao đổi thông tin. Tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam hiện có lưu giữ một số hiện vật và tư liệu do Bộ Văn hóa Thái Lan trao tặng như: Mặt nạ được sử dụng trong lễ diễu hành Phi Ta Khon, búp bê trong trang phục và tư thế múa truyền thống, mô hình thuyền Korlae, các đĩa DVD về các trình diễn văn hóa nghệ thuật của người Thái Lan, và các xuất bản phẩm khác. Những hiện vật này là biểu tượng quan trọng cho sự hợp tác văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan, đồng thời góp phần hỗ trợ cho việc tìm hiểu văn hóa lẫn nhau của hai nước. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã trưng bày những hiện vật này để phục vụ công chúng khám phá về đất nước, con người và văn hóa Thái Lan, góp phần tích cực vào quá trình nâng cao sự hiểu biết lẫn nhau của

người dân các nước trong khu vực và tiến đến việc xây dựng Cộng đồng Văn hóa xã hội ASEAN (ASCC) vào năm 2015.

Nhằm tăng cường đẩy mạnh hợp tác văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan giai đoạn 2014 - 2016, Bộ văn hóa thể thao và du lịch Việt Nam và Bộ văn hóa Thái Lan đã ký kết các chương trình trao đổi văn hoá trên các lĩnh vực: Nghệ thuật biểu diễn, Mỹ thuật, Thư viện, Di sản văn hoá, Điện ảnh. Đây cũng là cơ sở pháp lý quan trọng để chuẩn bị và triển khai các hoạt động văn hoá của hai nước chào mừng lễ kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Thái Lan vào năm 2016.

#### *Hợp tác văn hóa giữa các địa phương hai nước Việt Nam - Thái Lan*

Được Chính phủ khuyến khích và tạo điều kiện, một số địa phương của hai nước đã tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hóa có ý nghĩa. Tháng 2 - 2004, Đoàn nghệ thuật sinh viên và cán bộ Trường Đại học Vinh gồm 30 thành viên đã có chuyên công tác, giao lưu biểu diễn với nhân dân Thái Lan và bà con Việt kiều đang sống tại nước bạn. Ban tổ chức đã dùng toàn bộ số tiền thu được từ bán vé để quyên góp, ủng hộ quỹ xây dựng, quản lý Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thái Lan.

Tỉnh Quảng Nam của Việt Nam là một vùng đất hội tụ nhiều di tích văn hóa, lịch sử với nhiều di sản văn hóa vật thể (Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn...) và phi vật thể ( Hát bài chòi, Hò bả trạo...). Nhằm giới thiệu về văn hóa, về con người xứ Quảng tới bè bạn Thái Lan, tháng 11 - 2009, trong khuôn khổ chương trình giao lưu nghệ thuật - dân ca giữa Quảng Nam và các tỉnh đông bắc Thái Lan, Quảng Nam đã thực hiện chương trình quảng bá hương sắc đất Quảng tại nước bạn. Đây là dịp để Quảng Nam quảng bá hình ảnh, các loại hình văn hóa - dân ca như: Đàn tranh, độc tấu, hát bội, múa Chấm, bài chòi, múa bả trạo... đến với công chúng Thái Lan nhằm tăng thêm hiểu biết của người dân nước này với Quảng Nam nói chung và Hội An nói riêng. Thông qua đó, thu hút du khách Thái Lan đến du lịch Quảng Nam.

Năm 2015, tỉnh Điện Biên đã tổ chức khai mạc giao lưu văn hóa và giới thiệu sản phẩm với 4 tỉnh Bắc Thái Lan là tỉnh Chiang Rai, Tỉnh Nan, tỉnh Phe và tỉnh Pha Dau. Tham gia sự kiện này, tỉnh Điện Biên và các tỉnh Bắc Thái Lan đã cùng nhau giao lưu biểu diễn nghệ thuật và trưng bày, giới thiệu sản phẩm nhằm xúc tiến thương mại và du lịch của các địa phương. Trên 20 gian hàng của các đơn vị, doanh nghiệp đến từ 4 tỉnh Bắc Thái Lan và tỉnh Điện Biên đã giới thiệu các sản phẩm thuộc các lĩnh vực: Nông nghiệp; thủ công mỹ nghệ; mỹ phẩm; trang sức và may mặc. Các sản phẩm được trưng bày, giới thiệu đều mang tính chất đặc trưng của mỗi tỉnh về mảnh đất, con người và văn hóa truyền thống dân tộc. Sự kiện văn hóa trên là cơ hội để Điện Biên giới thiệu những nét văn hóa đặc trưng của mình đồng thời tăng cường tình hữu nghị với các tỉnh Bắc Thái Lan [46].

#### *Hợp tác trong lĩnh vực mỹ thuật và triển lãm.*

Là một thành tố quan trọng trong giao lưu, trao đổi văn hóa, hợp tác trên các lĩnh vực hội họa giữa hai nước cũng phát triển đáng kể. Để góp phần vào các hoạt động kỉ niệm lần thứ 25 ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Thái Lan (1976 - 2001), tại Nhà văn hóa hữu nghị thành phố Huế đã diễn ra buổi “*Triển lãm Mỹ thuật đương đại 5 trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam - Thái Lan*”. Triển lãm có sự góp mặt của 110 tác phẩm của hơn 100 tác giả là họa sĩ, nhà điêu khắc - giảng viên của 5 trường Đại học Mỹ thuật Việt - Thái Lan. Trong đó, Trường Đại học Chiang Mai Thái Lan có 23 tác phẩm, Trường Đại học Mỹ thuật Silpakorn - Băng Cốc có 6 tác phẩm, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội có 33 tác phẩm, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh có 22 tác phẩm và Trường Đại học Nghệ thuật Huế - Đơn vị đăng cai tổ chức - có 26 tác phẩm. Triển lãm Mỹ thuật đương đại 5 trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam - Thái Lan năm 2001 một lần nữa góp phần nâng cao sự hiểu biết về sáng tạo mỹ thuật giữa các họa sĩ các trường Đại học Mỹ thuật hai nước, thắt chặt tình đoàn kết, hữu nghị giữa Việt Nam - Thái Lan. Đây cũng là cơ hội

để công chúng yêu nghệ thuật ở Huế và các thành phố lớn của 2 nước Việt Nam - Thái Lan được thưởng ngoạn và tiếp xúc với những tác phẩm nghệ thuật mang tính đương đại của các họa sĩ giảng viên của 5 trường đại học Mỹ thuật Việt Nam - Thái Lan được sáng tác trong những cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI [1].

Bên cạnh đó, trong hai năm 2013 - 2014, thông qua hoạt động giao lưu, triển lãm mỹ thuật do các cơ quan chuyên trách hai nước tổ chức, các tác phẩm của họa sĩ người Thái Lan và Việt Nam có dịp được công chúng hai nước và bạn bè quốc tế biết đến. Các cuộc triển lãm mỹ thuật chính là dịp để mở rộng sự hiểu biết liên văn hóa, gắn kết văn hóa giữa hai dân tộc, từ đó đưa đến nhận thức về cội nguồn chung giữa các dân tộc được tạo sinh trên lưu vực sông Mê Công - một dòng sông giàu trầm tích văn hóa, cội nguồn của nghệ thuật nói chung và lĩnh vực hội họa nói riêng, lĩnh vực đã góp phần vào sự giàu có về bản sắc văn hóa của khối ASEAN.

#### *Hợp tác trong lĩnh vực truyền hình*

Ngành truyền hình hai nước Việt Nam và Thái Lan cũng đã có nhiều hoạt động phối hợp để sản xuất các bộ phim tài liệu về lịch sử, văn hóa nhằm cường sự hiểu biết giữa hai nước. Thái Lan đã cử một đoàn làm phim sang Việt Nam để thực hiện bộ phim tài liệu “*Hồ Chí Minh - con người vĩ đại của dân tộc Việt Nam*”. Từ cuối tháng 10 - 2008 đến cuối tháng 01 - 2009, chuyên mục *Legend of the world* (Huyền thoại của Thế giới), Đài truyền hình NBT của chính phủ Thái Lan (chuyên mục đặc biệt này mỗi năm chỉ giới thiệu về một nhân vật nổi tiếng thế giới) đã chiếu bộ phim tài liệu này với 12 phần: Con đường sống; Hồ Chí Minh - Con người giản dị; Hoạt động tại Thái Lan; Trở về Tổ Quốc; Tuyên ngôn độc lập, Chiến dịch Điện Biên Phủ; Việt Nam hai bên vĩ tuyến; Việt Nam thống nhất; Giác mơ độc lập; Hồ Chí Minh - Con người vĩ đại của dân tộc Việt Nam và Việt Nam ngày nay. Với những thước phim chân thực, bộ phim đã góp phần làm cho nhân dân Thái Lan thấu hiểu thêm về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về đất

nước và con người Việt Nam. Qua đó, bồi đắp thêm tình cảm thân thiết giữa nhân dân và chính phủ hai nước. Nhân dịp kỷ niệm 40 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đài truyền hình Việt Nam đã mua bản quyền và phát sóng bộ phim tài liệu “*Hồ Chí Minh - Con người vĩ đại của dân tộc Việt Nam*” trên kênh VTV4 từ ngày 2 - 9 - 2009 [32].

Ngày 28 - 2 - 2011, Nhân kỉ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, các nhà làm phim Thái Lan đã trao tặng cho Ban truyền hình đối ngoại VTV4 (Đài truyền hình Việt Nam) bộ phim tài liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhan đề “*Linh hồn Việt Nam*”. Bộ phim gồm 15 tập do Tiến sĩ Artha Nantachukra, Phó Trưởng khoa Lịch sử, Đại học MahaSarakham, Thái Lan chủ trì thực hiện. Những người làm phim đã trở lại những địa điểm tại vùng Đông Bắc Thái Lan, nơi mà hơn 70 năm trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng sống và hoạt động cách mạng [49]. Một lần nữa, người dân Việt Nam và Thái Lan có thêm cơ hội để hiểu rõ hơn về quãng thời gian hoạt động cách mạng của Bác Hồ trong những năm 1928 - 1929. Đồng thời, thông qua những hiện vật, những câu chuyện người dân Thái Lan và bà con Việt kiều kể lại, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh với những phẩm chất đạo đức cách mạng sáng ngời được khắc họa một cách chân thực nhất. Bộ phim chính là một minh chứng thể hiện rõ tình cảm yêu mến, trân trọng của những người dân Thái Lan dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời khẳng định thêm một lần nữa tình hữu nghị bền chặt giữa hai nước, hai dân tộc.

Nhằm đẩy mạnh sự hợp tác trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình giữa hai nước, Đài truyền hình Việt Nam và Tập đoàn Truyền thông đại chúng Thái Lan đã tăng cường hợp tác trên cơ sở hai bên cùng có lợi trong việc trao đổi chương trình truyền hình, trao đổi chuyên gia, nghiệp vụ, kỹ thuật truyền hình và các lĩnh vực khác, phù hợp với luật pháp và quy định của mỗi nước, trong khả năng cho phép. Các cơ quan truyền thông hai nước thường xuyên trao đổi với nhau những phóng sự về đất nước, con người, về văn hóa, truyền thống, kinh tế, trao đổi bản quyền phim tài liệu và các chương trình khác theo yêu cầu.

Cục quan hệ công chúng Thái Lan là cơ quan trực thuộc Văn phòng Thủ tướng Thái Lan có nhiệm vụ cung cấp tin tức và thông tin chính thống về Thái Lan. Cục Quản lý tất cả các Đài Phát thanh - Truyền hình công tại Thái Lan, trong đó có Hãng Phát thanh - Truyền hình Quốc gia Thái Lan, Hãng Thông tấn Quốc gia Thái Lan và Đài Phát thanh Quốc gia Thái Lan. Đài tiếng nói Việt Nam và Cục quan hệ công chúng Thái Lan đã thiết lập mối quan hệ và kí kết các bản thỏa thuận, tạo nền móng cho hoạt động hợp tác song phương, như trao đổi chương trình, trao đổi tin tức, hợp tác sản xuất chương trình, trao đổi đoàn cán bộ, đào tạo và thực tập sinh hàng năm. Đồng thời, cử các phóng viên, biên tập viên và kỹ thuật viên có năng lực sang làm việc tại cơ quan của nhau để chia sẻ kinh nghiệm và làm các chương trình trao đổi về nhiều lĩnh vực mà thính, độc giả quan tâm như thời sự kinh tế, xã hội, văn hóa hay phong cách sống.

Bên cạnh những thước phim giới thiệu về nhân vật lịch sử như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, các đoàn làm phim Thái - Việt còn phối hợp khai thác ở những khía cạnh khác như giới thiệu về lịch sử, văn hoá, nghệ thuật, xã hội, du lịch, kinh tế của Thái Lan và Việt Nam cũng như tuyên truyền về quan hệ gắn bó tốt đẹp giữa hai nước; quay phim và phỏng vấn một số nhân vật có đóng góp quan trọng vào mối quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai. Bộ phim “*Đồng lòng Thái - Việt*” do Hội hữu nghị Thái Lan - Việt Nam thực hiện năm 2015 là một ví dụ điển hình nhất.

#### *Hợp tác trong lĩnh vực báo chí*

Hợp tác trong lĩnh vực báo chí giữa Việt Nam và Thái Lan được thiết lập từ năm 1993. Từ đó đến nay, các nhà báo hai nước vẫn thường xuyên trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, cử các nhà báo sang thăm tìm hiểu về đất nước, con người, các thành tựu về kinh tế, văn hóa, xã hội để giới thiệu với nhân dân hai nước. Năm 2013, Hội nhà báo Việt Nam và Liên đoàn báo chí Thái Lan đã tổ chức lễ kỉ niệm 20 năm quan hệ hợp tác báo chí giữa Việt Nam - Thái Lan.



Đây là một dấu mốc quan trọng đánh dấu quá trình hợp tác giữa hai Hội, vì lợi ích của các nhà báo, đảm bảo quyền được thông tin của nhân dân, góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa hai nước. Với tư cách là thành viên chính thức của Liên đoàn báo chí các nước ASEAN, thông qua các hoạt động hợp tác trao đổi đoàn cũng như các hoạt động truyền thông trên hệ thống thông tin đại chúng, báo chí Việt Nam và Thái Lan đã góp phần quan trọng trong việc góp phần xây dựng một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển; đồng thời, thúc đẩy và tăng cường nhận thức và ý thức về Cộng đồng ASEAN sẽ trở thành hiện thực vào năm 2015.

Nhằm nâng cao hơn nữa sự hiểu biết cũng như mối quan tâm của truyền thông Thái Lan đối với Việt Nam. Ngày 20 - 1 - 2013, Hội Nhà báo Thái Lan đã tổ chức khai giảng lớp tiếng Việt cho các nhà báo nước này. Tham gia lớp học có gần 30 học viên, chủ yếu là phóng viên và nhà báo đang công tác tại các tòa soạn, đài phát thanh và đài truyền hình của Thái Lan. Lớp học kéo dài trong 10 tuần, với các bài giảng làm quen với tiếng Việt do giảng viên Khoa tiếng Việt tại một trường đại học Băng Cốc biên soạn. Kết thúc khóa học sẽ có một bài kiểm tra để chọn ra hai học viên sang Việt Nam thăm quan và học tập kinh nghiệm thực tiễn báo chí ở Việt Nam [45].

Xét thấy Hội Nhà báo Thái Lan và Hội Nhà báo Việt Nam từ lâu đã phối hợp để phát triển sự hợp tác nhằm thúc đẩy quan hệ báo chí giữa hai nước. Năm 2014, Hội nhà báo hai nước đã ký kết Biên bản ghi nhớ về Chương trình trao đổi báo chí với nhiều nội dung nhằm thắt chặt tình hữu nghị giữa hai nước. Thúc đẩy việc các cơ quan báo chí trong nước thông tin mang tính xây dựng, giúp nhân dân hai nước hiểu chính xác về các vấn đề xã hội, kinh tế, chính trị và văn hóa của nhau. Đồng thời, tăng cường quan hệ báo chí của hai nước thông qua hoạt động của các tổ chức khu vực và quốc tế như Liên đoàn báo chí ASEAN và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á...

Cùng với lĩnh vực truyền hình, ngành báo chí Việt Nam - Thái Lan đã góp phần rất lớn trong việc quảng bá, giới thiệu hình ảnh về đất nước, con người, nét

văn hóa truyền thống đặc sắc của nước bạn. Qua đó, giúp nhân dân hai nước có thêm cơ hội hiểu biết, tăng cường các hoạt động giao lưu văn hóa.

#### *Hợp tác trong lĩnh vực trao đổi và xuất bản sách*

Việt Nam và Thái Lan đã cùng nhau phối hợp xuất bản các cuốn sách, các ấn phẩm nổi tiếng ở hai nước. Điển hình nhất là tác phẩm “*Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*” của tác giả Nguyễn Nhật Ánh (tác phẩm đã đạt giải thưởng văn học ASEAN 2010) đã được dịch ra tiếng Thái; giới thiệu cuốn sách “*Cận cảnh Việt Nam*” của tác giả Pixanu Chanvitan (Cựu đại sứ Thái Lan tại Việt Nam). Đặc biệt, Tiến sĩ Monrita Rato (Giảng viên Tiếng Việt bộ môn ngôn ngữ Phương Đông, khoa Ngữ văn, Đại học Chulalongcon) vốn mê thích lịch sử Đông Nam Á, thích học Tiếng Việt và có ấn tượng đặc biệt về chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam. Bà đã dành rất nhiều tâm huyết trong việc giới thiệu văn học Việt cho độc giả Thái. Năm 2006 tác phẩm “*Nhật kí Đặng Thùy Trâm*” được Tiến sĩ Monrita Rato dịch sang tiếng Thái. Cuốn sách đã thu hút được sự quan tâm chú ý của nhiều nhà nghiên cứu, học giả cũng như giới trẻ Thái Lan về hình ảnh một đất nước Việt Nam kiên cường bất khuất trong cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước.

Tháng 8 năm 2013, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà văn Thái Lan, Cục Văn hóa nghệ thuật đương đại Thái Lan, Đại sứ quán Thái Lan tại Hà Nội đã phối hợp tổ chức buổi họp báo và giới thiệu cuốn sách “*Hoa sen nở trong dòng chảy văn học*”. Đây là tuyển tập đầu tiên trong chương trình hợp tác văn học giữa hai Hội nhà văn, trong đó tập hợp những truyện ngắn và thơ đương đại của các tác giả Việt Nam và Thái Lan. Đây là dấu mốc quan trọng thể hiện sự hợp tác, phát triển văn học của hai nước, thể hiện sự tăng cường thắt chặt quan hệ hữu nghị giữa hai dân tộc. Cuốn sách được xuất bản bằng ba ngôn ngữ: Thái Lan - Việt Nam - Tiếng Anh, đây cũng là dịp để Thái Lan - Việt Nam giới thiệu nền văn hóa của hai dân tộc với bạn bè thế giới [6, tr.36].

Thư viện Quốc gia Việt Nam là nơi lưu trữ rất nhiều tài liệu, trong đó có

các ấn phẩm, tư liệu do nước ngoài trao tặng. Tại đây, có lưu trữ bộ sưu tập tài liệu được Đại sứ quán Thái Lan trao tặng. Đây là những cuốn sách tiêu biểu, cập nhật về đất nước, con người, thiên nhiên và cuộc sống của Thái Lan bằng cả ngôn ngữ Tiếng Anh và Tiếng Thái. Với những ấn phẩm mà Đại sứ quán Thái Lan trao tặng, bạn đọc Việt Nam sẽ được tiếp cận tốt nhất các thông tin hữu ích, giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước và trong khu vực ASEAN để hướng tới các quan hệ hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, du lịch. Bộ sưu tập này còn giúp chuyển tải các thông tin về tình hình hợp tác ASEAN, đất nước, con người các nước ASEAN đến đông đảo bạn đọc trong và ngoài nước, qua đó góp phần nỗ lực và nâng cao ý thức Cộng đồng trong khu vực, đặc biệt là cho tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

#### *Hợp tác trong lĩnh vực giao lưu nghệ thuật biểu diễn*

Giao lưu biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống giữa hai nước Việt - Thái cũng là một hình thức nổi bật trong hợp tác văn hóa. Hàng năm, Cục biểu diễn nghệ thuật, các trường đại học văn hóa nghệ thuật của Việt Nam đã có những chuyến lưu diễn tại nước bạn. Thông qua những chương trình giao lưu này, các loại hình nghệ thuật truyền thống của Việt Nam như: Nghệ thuật múa rối, Hát xoan, Quan họ được giới thiệu tới công chúng Thái Lan và bạn bè quốc tế. Đây cũng là một hình thức để Việt Nam quảng bá hình ảnh con người, nét văn hóa đặc sắc của mình ra thế giới.

Nhằm giới thiệu văn hóa Thái Lan tới bạn bè Việt Nam, tại các sự kiện văn hóa “*Văn hóa Thái Lan ngày cuối tuần*” tại Hà Nội, *Tết Songkran* của người Thái tổ chức ở Việt Nam, các tiết mục nghệ thuật mang tính truyền thống và đương đại của Thái Lan đã được biểu diễn như: Múa truyền thống Nén hoa biểu đạt sự tôn kính ở Thái Lan; Múa 4 miền - một sự kết hợp tinh tế giữa từng phân cảnh miêu tả các vùng miền của Thái Lan; Múa té Đấng tối cao - điệu múa lấy cảm hứng từ Lễ hội Hoàng gia Ấn Độ từ thời kỳ trước Triều

đại Ayutthaya. Những ngày văn hóa Thái Lan tại Hà Nội đã phần nào tăng thêm sự hiểu biết văn hóa cũng như nâng cao tinh thần đoàn kết hữu nghị giữa hai nước Việt - Thái.

Nhân dịp kỉ niệm 35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Thái Lan (6 /8/1976 – 6/8/2011), Đại sứ quán Việt Nam tại Thái Lan kết hợp với Bộ ngoại giao Thái Lan và Hội hữu nghị văn hóa Thái - Việt đồng tổ chức nhiều chủ đề về liên kết văn hóa như biểu diễn nghệ thuật, giao lưu thanh niên - sinh viên giữa hai nước, triển lãm các tác phẩm nghệ thuật của các họa sĩ Thái Lan và Việt Nam về đất nước, cuộc sống con người Việt Nam.

#### *Hợp tác trong các lĩnh vực văn hóa khác*

Năm 2015, Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác với Trung tâm hỗ trợ quốc tế về nghệ thuật và đồ đan Thái Lan (SASICT). Trong thời gian hai ngày (từ 17 đến 19 - 7 -2015), đoàn nghiên cứu và các nghệ nhân Thái Lan gồm 30 thành viên đã đến thăm và làm việc tại Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam, thăm một số làng nghề truyền thống của Việt Nam. Nhân dịp này, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam đã giới thiệu những đặc trưng văn hóa của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam với đoàn Thái Lan qua các hoạt động trưng bày, trình diễn văn nghệ dân gian. Bên cạnh đó, sự có mặt của các nghệ nhân thêu, đan dệt của Việt Nam và Thái Lan là dịp để hai bên cùng nhau chia sẻ kỹ năng, kinh nghiệm về di sản dệt may ASEAN. Bảo tàng và Trung tâm SASICT đã cùng nhau thống nhất tiếp tục hợp tác trong các hoạt động về thủ công truyền thống (dệt, thêu, đan lát...), phối hợp tổ chức các hội thảo, trưng bày chuyên đề về văn hóa các dân tộc hai nước tại Việt Nam và Thái Lan, giao lưu, trao đổi giữa các nghệ nhân của hai quốc gia, tạo ra các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của từng quốc gia. Đây là cơ hội thuận lợi để Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam và Trung tâm hỗ trợ quốc tế về nghệ thuật và đồ đan Thái Lan thắt chặt hơn nữa mối quan hệ và mở đường cho sự trao đổi, hợp tác lâu dài giữa hai bên [48].

Những kết quả hợp tác văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan có phần đóng

góp rất lớn của nhiều thế hệ người Việt sinh sống ở Thái Lan. Đặc biệt là vùng Đông Bắc Thái Lan. Dù trải qua nhiều biến động, Việt kiều tại đây luôn chấp hành tốt luật pháp của nước sở tại, sống hòa nhập với cộng đồng, tích cực đóng góp trí tuệ và sức lực của mình vào việc phát triển kinh tế ở địa bàn cư trú, qua đó góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác của nhân dân hai nước. Nhiều con em người Việt đã giành được học hàm, học vị cao của các cơ sở đào tạo ở Thái Lan như: GS Trần Văn Chun giảng viên khoa Tiếng Việt trường Đại học Khon Kaen, TS cầu đường Phạm Văn Tâm, thạc sĩ Ngôn ngữ Vũ Đình Phú cán bộ tại trường Đại học Nakhon Phanom ... và nhiều người đã trở thành luật sư, bác sĩ, giáo viên ở Thái. Có rất nhiều gia đình Việt kiều có từ 2 đến 4 người đều đại học hoặc đã học xong thạc sĩ ở Thái, gia đình bác Tô Văn Thung ở Khon Kaen là một điển hình với 8 người con đều là tiến sĩ [13, tr.16].

Một số người Việt Nam đã tham gia các tổ chức xã hội của nước bạn như: Hội chữ thập đỏ, Hội bảo thọ, Hội từ thiện... Việt kiều ở đây cũng đã cùng nhau góp sức, góp của để xây dựng các công trình hữu nghị Việt Thái như: Công chùa Xi-chăn ở tỉnh Khon Kaen, cầu vượt ở tỉnh Udon, Tháp đồng hồ ở tỉnh Nakhon Phanom, Vườn hoa văn hóa Việt Nam - Thái Lan ở tỉnh Noong khai. Việc Chính phủ Thái Lan cấp quốc tịch cho Việt kiều, cho phép những Việt kiều cao tuổi được hưởng quy chế ngoại kiều nhập cư hợp pháp được về thăm quê hương đã tạo điều kiện thuận lợi để Việt kiều thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hóa giữa nhân dân hai nước. Trên thực tế, những người Việt đã và đang sinh sống, làm việc tại Thái Lan chính là nhịp cầu kết nối quan hệ của hai nước Việt Nam và Thái Lan, đặc biệt là giao lưu văn hóa.

### **Tiểu kết**

Việt Nam và Thái Lan là hai nước láng giềng gần gũi, đều có những cơ sở và nhu cầu tăng cường quan hệ hợp tác song phương toàn diện, đặc biệt trong hợp tác giáo dục và văn hóa.

Trong giai đoạn 1986 - 1995, hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan đã bước đầu đạt được một số thành quả nhất định. Phía Thái Lan đã dành cho Việt Nam những khoản viện trợ giáo dục, những suất học bổng đào tạo ngắn hạn và các chuyên thăm quan thực tế tại nước bạn. Sự giúp đỡ của Thái Lan là một động lực rất lớn đối với Việt Nam trong giai đoạn này. Một mặt, giúp Việt Nam đáp ứng được nhu cầu bức thiết về đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn đầu của tiến trình mở cửa hội nhập, mặt khác những hiểu lầm, nghi kỵ của hai nước cũng vì thế dần được xóa bỏ. Việt Nam và Thái Lan đã phối hợp cùng nhau tham gia một số hoạt động văn hóa do ASEAN tổ chức. Mặc dù kết quả thu được chưa nhiều song đây sẽ là cơ sở, là tiền đề để thúc đẩy quá trình hợp tác giáo dục, văn hóa Việt - Thái trong giai đoạn tiếp theo.

Có thể thấy, hợp tác trên lĩnh vực giáo dục, văn hóa giữa hai nước chỉ thực sự thu được kết quả từ khi Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào năm 1995. Song những kết quả mà hai bên đạt được trong quá trình hợp tác chưa phản ánh đúng tiềm năng cũng như chưa đáp ứng được nhu cầu, lòng mong muốn hợp tác của nhân dân hai nước. Hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, chủ yếu là sự giao lưu, hiểu biết, chia sẻ giữa nhân dân hai nước còn rất khiêm tốn. Bên cạnh đó, bất đồng ngôn ngữ cũng là một trở ngại không hề nhỏ trong quan hệ hợp tác giáo dục và văn hóa, đòi hỏi Chính phủ Việt Nam và Thái Lan cần có những hoạch định cụ thể để thúc đẩy hợp tác văn hóa, trao đổi thông tin giữa hai nước.

Trong giai đoạn 1996 - 2015, quan hệ hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Những thành tựu đó chính là cơ sở để hai bên hỗ trợ nhau trong trao đổi và đào tạo nguồn nhân lực. Đồng thời, hai nước có thêm cơ hội hiểu rõ hơn về lịch sử, đất nước, phong tục tập quán và truyền thống văn hóa của nhau, qua đó càng góp phần thắt chặt hơn tình hữu nghị, gắn bó keo sơn giữa hai nước Việt - Thái.

### **Chương 3**

## **ĐÁNH GIÁ VÀ TRIỂN VỌNG HỢP TÁC GIÁO DỤC, VĂN HÓA VIỆT NAM - THÁI LAN**

### **3.1. Một vài nhận xét về hợp tác giáo dục, văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan**

#### **3.1.1. Thành công**

Trải qua gần 3 thập kỉ, hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan đã thu được những thành công nhất định, tăng cường sự đoàn kết, thắt chặt thêm tình hữu nghị láng giềng hai nước Việt - Thái.

*Thứ nhất, với chủ trương và sự chỉ đạo đúng đắn của Đảng cộng sản Việt Nam trong mối quan hệ giữa Việt Nam - ASEAN nói chung và giữa Việt Nam - Thái Lan nói riêng, hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam và Thái Lan trong giai đoạn 1986 - 2015 đã có nhiều bước tiến mới.*

Về giáo dục, Thái Lan đã dành cho Việt Nam những nguồn viện trợ thiết thực và hữu ích ngay từ giai đoạn đầu của tiến trình hợp tác. Thông qua các dự án đào tạo ngắn hạn, dự án hỗ trợ giảng dạy Tiếng Việt và Tiếng Thái, các chương trình hội nghị, hội thảo về giáo dục, những lớp cán bộ, học sinh, sinh viên hai nước đã có thêm cơ hội được cọ sát, được tiếp cận với nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại và được học tập và nghiên cứu trong môi trường mang tính quốc tế. Qua đó, chất lượng nguồn nhân lực hai nước từng bước được nâng lên, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong nước và dần tiến kịp với xu thế của khu vực.

Hợp tác giữa các trường đại học của Việt Nam và Thái Lan đã diễn ra khá mạnh mẽ. Các trường đại học ở cả Việt Nam và Thái Lan đã tích cực, chủ động tìm hiểu về các chương trình giáo dục, chiến lược đào tạo của phía trường bạn, từ đó đặt quan hệ hợp tác và tăng cường trao đổi cán bộ, sinh viên với nhau. Thông qua sự hợp tác này, các trường đã tìm kiếm nguồn học bổng, tài trợ cho cán bộ, giảng viên đi đào tạo bồi dưỡng để nâng cao trình độ, tài trợ học bổng cho sinh viên xuất sắc hoặc có hoàn cảnh khó khăn; tìm kiếm các nguồn kinh phí tài trợ cho nghiên cứu khoa học, cử cán bộ - giảng viên có trình độ đi giao lưu khoa học với nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo hai nước.

Về văn hóa, hợp tác văn hóa Việt Nam - Thái Lan cũng thu được nhiều thành quả quan trọng. Các cơ quan chuyên trách văn hóa cũng như các địa phương ở hai nước đã chủ động tăng cường giao lưu, hợp tác văn hóa. Chuyến thăm Thái Lan của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (6 - 2013) là một dấu mốc quan trọng, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam - Thái Lan được nâng lên một tầm cao mới - *Quan hệ đối tác chiến lược*.

Sau sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN, một bước ngoặt trong tiến trình hợp tác song phương giữa Việt Nam và Thái Lan được mở ra. Hoạt động hợp tác song phương trên lĩnh vực văn hóa đã diễn ra khá mạnh mẽ và thu được nhiều kết quả trên các lĩnh vực: Hợp tác mỹ thuật và triển lãm, Hợp tác báo chí, truyền hình, Hợp tác trao đổi và xuất bản sách...

*Thứ hai, hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan góp phần cải thiện mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước, xóa bỏ những hiểu lầm không đáng có của thời kì trước, khép lại quá khứ hướng tới tương lai.*

Trải qua từng giai đoạn hợp tác, mỗi thời kì lại là một bước chuyển biến mới, Thái Lan - Việt Nam càng tăng thêm lòng tin cậy, thấu hiểu nhau, mối quan hệ giữa nhà nước với nhà nước, nhân dân với nhân dân càng thêm gắn bó bền chặt. Đây là tiền đề quan trọng để hợp tác toàn diện Việt Nam - Thái Lan nói chung và hợp tác giáo dục, văn hóa nói riêng đi đúng hướng và vững chắc trong những năm tiếp theo.

*Thứ ba, hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan đã góp phần quảng bá hình ảnh dân tộc, đất nước và con người hai nước với nhau và với bạn bè quốc tế. Trên thực tế, thông qua những những dự án hợp tác, các chuyến tham quan cùng nhiều hoạt động hợp tác giáo dục văn hóa cụ thể (trao đổi các đoàn cán bộ, học sinh, sinh viên; hợp tác sản xuất phim ảnh, triển lãm, xuất bản sách...), những dấu ấn riêng về một đất nước Việt Nam anh hùng, bất khuất trong lịch sử chống ngoại xâm và luôn thân thiện, cởi mở, chân thành với bạn bè thế giới trong bối cảnh hội nhập hay dấu ấn về Thái Lan - đất nước của xứ sở chùa*



vàng, của những nụ cười mến khách chắc chắn sẽ là những ấn tượng đậm nét trong lòng bè bạn quốc tế.

*Thứ tư, hợp tác giáo dục, văn hóa Việt - Thái đã góp phần vào nỗ lực chung của ASEAN trong việc xây dựng một cộng đồng khu vực hùng mạnh, tự cường và phồn vinh.* Những thành công trong hợp tác giáo dục, văn hóa mà hai nước đạt được đã góp phần tăng thêm tình đoàn kết, hữu nghị giữa các nước trong Hiệp hội, thúc đẩy thực hiện nhanh hơn các mục tiêu mà ASEAN đề ra.

### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những thành quả đã đạt được, hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan 1986 - 2015 cũng bộc lộ một số những hạn chế nhất định:

*Một là, trong giai đoạn đầu của tiến trình hợp tác (1986 - 1995), kết quả hợp tác còn khá hạn chế, các khoản viện trợ của Thái Lan dành cho Việt Nam còn rất khiêm tốn, phía Việt Nam vẫn chưa thực sự chủ động và tìm ra giải pháp thích hợp để nâng cao hơn nữa sự hợp tác giáo dục, văn hóa với Thái Lan.* Nguyên nhân của những hạn chế này xuất phát từ những tác động chủ quan và khách quan. Trong những năm 1986 - 1990, Việt Nam vừa mới trải qua những năm kháng chiến trường kì để bảo vệ đất nước, bước ra khỏi chiến tranh, chúng ta còn đang vấp phải muôn vàn khó khăn để khôi phục và phát triển kinh tế trong nước. Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra tại Đại hội VI (1986) mới chỉ là bước đầu của những thay đổi tư duy, trong đó có công tác đối ngoại với các nước trong khu vực ASEAN và với thế giới. Vì vậy, hoạt động hợp tác giáo dục, văn hóa với Thái Lan chưa thực sự được chú trọng. Còn với Thái Lan, giai đoạn này “*Vấn đề Campuchia*” chưa được giải quyết, những ngò vực, nghi kị và lo lắng về một Việt Nam cộng sản khiến Thái Lan còn khá e dè trong quan hệ hợp tác với Việt Nam.

*Hai là, từ sau năm 1995, hợp tác giáo dục và văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan mới thực sự thu được kết quả. Tuy nhiên, những kết quả của tiến trình hợp tác ấy chưa phản ánh đúng tiềm năng cũng như chưa đáp ứng được nhu cầu*

*mong muốn hợp tác của nhân dân hai nước.* Trên thực tế, trong hợp tác giáo dục và đào tạo, hợp tác giữa các cơ sở hướng nghiệp của hai nước còn rất hạn chế, trong khi đó nhu cầu nguồn nhân lực lành nghề, có kỹ năng và thành thạo tiếng Anh ở hai nước nói riêng và khu vực nói chung lại rất lớn. Tình trạng “*Thừa thầy thiếu thợ*” là một vấn đề phổ biến mà Việt Nam và Thái Lan đang gặp phải. Đây là vấn đề cần được giải quyết trong hợp tác giáo dục giữa hai nước trong giai đoạn kế tiếp.

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một thực tế là các bài giảng cho học sinh, sinh viên về lịch sử quan hệ Việt Nam - Thái Lan của các trường ở Thái Lan phần lớn chỉ đề cập đến giai đoạn hai nước nghi kị, đối lập trước đây mà ít nói đến sự hợp tác hữu nghị của hai nước trong giai đoạn hiện nay, những thiện chí của Việt Nam trong việc xây dựng quan hệ đối tác và láng giềng hữu nghị cũng ít được đề cập tới. Điều này ở một mức độ nhất định đã khiến cho hình ảnh đất nước và con người Việt Nam thiếu đi tính khách quan và toàn diện trong suy nghĩ và hiểu biết của nhân dân Thái Lan. Đây cũng chính là một nguyên nhân căn bản khiến cho sự giao lưu, chia sẻ lẫn nhau giữa nhân hai nước bị hạn chế, gây ra những trở ngại không đáng có trong hợp tác giáo dục và văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan.

### **3.2. Kiến nghị**

Để khắc phục những hạn chế không đáng có và thúc đẩy quan hệ hợp tác giáo dục và văn hóa giữa Việt Nam - Thái Lan trong giai đoạn kế tiếp, tác giả xin đưa ra một số những kiến nghị sau:

*Thứ nhất, hai nước cần chủ động và tiếp tục hợp tác giáo dục và giao lưu văn hóa thông qua việc tăng cường các cuộc gặp mặt, trao đổi cấp cao và các cơ quan chuyên trách.* Đây là một hoạt động có ý nghĩa quan trọng nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển hợp tác giữa hai nước.

*Thứ hai, Việt Nam và Thái Lan cần tiếp tục phối hợp có hiệu quả, tích cực*

*tham gia vào các hoạt động giáo dục và các sự kiện văn hóa của khu vực ASEAN, qua đó thắt chặt thêm tình hữu nghị hai nước và góp phần xây dựng tình đoàn kết, hợp tác trong khu vực.*

*Thứ ba, trong hợp tác giáo dục, bên cạnh các học bổng, nguồn viện trợ mà chính phủ Thái Lan dành cho Việt Nam, hai nước cần mở rộng hợp tác song phương giữa các trường đại học, đặc biệt là các cơ sở giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam và Thái Lan nhằm trao đổi kinh nghiệm, mở ra các chương trình giáo dục từ xa nhằm đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong tương lai.*

*Thứ tư, Việt Nam cần chủ động biên soạn nhiều tài liệu phổ thông về Việt Nam bằng tiếng nước ngoài, tiếng Thái để giới thiệu với nhân dân Thái Lan, giúp họ hiểu về đất nước và con người Việt Nam một cách đầy đủ và chân thực nhất. Chính phủ hai nước cũng cần có kế hoạch cụ thể chỉ đạo các Bộ, ngành, cơ quan tăng cường phối hợp dạy tiếng Việt cho người Thái Lan và dạy tiếng Thái cho người Việt Nam, coi đây là mục tiêu cũng là giải pháp để thúc đẩy giao lưu, hợp tác văn hóa.*

*Thứ năm, hai nước cần thông qua nhiều hình thức, biện pháp, đặc biệt là phát huy có hiệu quả kênh ngoại giao nhân dân, trao đổi và hợp tác giữa các địa phương hai bên, khuyến khích xây dựng mối quan hệ nhân dân với nhân dân để thúc đẩy hợp tác văn hóa. Nhận thấy rõ cộng đồng người Việt ở Thái Lan là cầu nối quan trọng trong thúc đẩy quan hệ hợp tác Việt Nam - Thái Lan, Việt Nam cần có thêm những nghiên cứu, các công trình khảo sát và đánh giá một cách tổng thể về đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, những thuận lợi khó khăn của Kiều bào đang sinh sống tại Thái Lan. Qua đó đưa ra những chính sách phù hợp, phát huy những đóng góp tích cực của Việt kiều đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, giúp họ trở thành những “sứ giả văn hóa” - nhịp cầu nối thúc đẩy hợp tác văn hóa Việt Nam - Thái Lan.*

### **3.3. Triển vọng hợp tác giáo dục, văn hóa giữa hai nước.**

Trong tương lai, quan hệ hợp tác giáo dục và văn hóa giữa Việt Nam –

Thái Lan có đầy đủ cơ sở và những nhân tố thuận lợi về mọi mặt để phát triển.

Chính phủ Việt Nam và Thái Lan đều rất coi trọng việc thúc đẩy mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước và đều cam kết chỉ đạo các bộ, ngành, cơ quan chuyên trách thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận, hiệp định để khai thác triệt để các tiềm năng hợp tác giữa hai nước. Những bản thỏa thuận và hiệp định mà hai nước đã kí kết trong những thập kỉ qua là cơ sở pháp lý quan trọng để củng cố và mở rộng hợp tác giáo dục, văn hóa giữa Việt Nam - Thái Lan trong những thập niên tới.

Việc mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác về giáo dục và văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan hoàn toàn phù hợp với lợi ích, yêu cầu phát triển của hai quốc gia, đồng thời phù hợp với xu thế hữu nghị và hợp tác phát triển của khu vực và thế giới. Thực tế, hợp tác toàn diện Việt Nam - Thái Lan, trong đó có hợp tác giáo dục, văn hóa là một nhân tố quan trọng góp phần tạo ra môi trường khu vực ổn định, đoàn kết. Hơn nữa, hợp tác giữa hai nước sẽ giúp mỗi nước khẳng định vị trí của mình trong tổ chức ASEAN, đồng thời góp phần vào nỗ lực chung *“Vì một ASEAN phát triển đồng đều và bền vững trong thế kỉ XXI”*.

Cuối cùng, Việt Nam và Thái Lan đều là nước thành viên của ASEAN, do đó có thể thúc đẩy, tăng cường hợp tác hợp tác giáo dục, văn hóa giữa hai nước trong khuôn khổ ASEAN. *“Chương trình hành động Hà Nội”* của ASEAN được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ VI (12 - 1998) đã đề cập tới 10 lĩnh vực hợp tác chủ chốt, trong đó có lĩnh vực giáo dục và văn hóa. Đây chính là phạm vi rộng mở để Việt Nam - Thái Lan tăng cường hợp tác trong khuôn khổ các nước ASEAN.

### **Tiểu kết**

Như vậy, trong giai đoạn 1986 - 1995, hợp tác giáo dục và văn hóa giữa hai nước Việt Nam - Thái Lan đã đạt được một số thành công nhất định. Đó là kết quả của một quá trình gắn kết, hữu nghị giữa hai dân tộc Việt - Thái trong

bối cảnh hội nhập. Tuy nhiên, trước những tác động chủ quan và khách quan, hợp tác giáo dục, văn hóa giữa hai nước vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Song với những tiền đề, cơ sở thuận lợi mà hai nước đã và đang có, chúng ta hoàn toàn có thể lạc quan và tin tưởng vào triển vọng hợp tác tốt đẹp giữa hai nước trong tương lai.

## KẾT LUẬN

1. Việt Nam và Thái Lan là hai quốc gia láng giềng gần gũi, có lịch sử quan hệ lâu đời. Sự kiện ngày 6 - 8 - 1976 Việt Nam và Thái Lan thiết lập quan hệ ngoại giao đã mở ra một trang mới trong tiến trình quan hệ hai nước. Trước những biến đổi của tình hình thế giới, khu vực và sự chuyển biến nội tại trong bản thân mỗi nước, Việt Nam - Thái Lan đã dần xóa bỏ những mối nghi ngại, khép lại những ngò vực trong quá khứ và mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực, trong đó có hợp tác giáo dục và văn hóa.

2. Hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1986 - 2015) đã đạt được những thành quả nhất định, góp phần củng cố mối quan hệ hai nước, tạo cơ hội cho sự giao lưu gần gũi giữa hai dân tộc, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và cùng hướng tới một Cộng đồng chung ASEAN đoàn kết, hùng mạnh và phồn vinh.

Trong hợp tác giáo dục, Việt Nam có thế mạnh và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dạy và học những môn khoa học cơ bản. Ngược lại, Thái Lan là nước có rất nhiều trường đại học và cơ sở giáo dục uy tín, có phương pháp giảng dạy hiện đại và môi trường học tập mang tính quốc tế. Vì vậy, các đoàn cán bộ, giáo viên của hai nước đã có nhiều chuyến thăm và làm việc để tìm hiểu cơ hội hợp tác và học tập, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau. Thái Lan đã dành cho Việt Nam một số nguồn viện trợ, các dự án giáo dục ngắn hạn và dài hạn. Mặc dù những nguồn viện trợ và các dự án này còn ở mức khiêm tốn song Việt Nam rất coi trọng và đánh giá cao sự giúp đỡ của nước bạn, lấy đó làm động lực để phát huy hơn nữa sự hợp tác giáo dục giữa hai nước.

Hợp tác giáo dục giữa các trường đại học, các cơ sở giáo dục của Việt Nam và Thái Lan diễn ra mạnh mẽ. Có rất nhiều các dự án, chương trình hợp tác đã được các trường triển khai và mang lại hiệu quả như: Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các khóa học ngắn hạn về các lĩnh vực tri thức mới; Trao đổi giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi sinh viên và trao đổi các ấn phẩm, tài liệu khoa

học (tạp chí, sách, chương trình giảng dạy...); Phối hợp tham gia các dự án nghiên cứu khoa học và hội thảo quốc tế; tổ chức cho sinh viên giao lưu văn hóa giữa các trường...

Trong hợp tác văn hóa, sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm 1995 đã mở ra một bước ngoặt thúc đẩy hợp tác hợp tác văn hóa giữa Việt Nam - Thái Lan. Hàng năm, Bộ và các cơ quan chuyên trách về văn hóa ở hai nước thường xuyên tổ chức các hoạt động trao đổi và giao lưu văn hóa như: Triển lãm nghệ thuật; tổ chức ngày văn hóa Thái Lan tại Việt Nam và ngược lại; phối hợp thực hiện các thước phim tài liệu để giới thiệu với nhân dân hai nước và bạn bè quốc tế về hình ảnh của nước bạn...

3. Việc đẩy mạnh hợp tác giáo dục và văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho mỗi nước, giúp nhân dân hai nước hiểu rõ hơn về những văn hóa đặc trưng của nước bạn, đồng thời cùng nhau giữ vững bản sắc dân tộc trước thách thức của toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, hợp tác giáo dục và văn hóa Việt - Thái còn mang lại một cách nhìn nhận mới, đầy đủ và toàn diện hơn về hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, củng cố thêm mối quan hệ đối tác chiến lược mà hai bên đã kí kết và chứng tỏ khả năng hòa hợp giữa hai nước, thể hiện tinh thần đoàn kết khu vực.

4. Hợp tác văn hóa, giáo dục Việt Nam - Thái giai đoạn 1986 - 2015 đã thu được một số thành quả nhất định song vẫn còn những hạn chế và tồn tại, hai nước vẫn chưa phát huy hết tiềm năng và thế mạnh của mình trong quá trình hợp tác, chưa đáp ứng được nguyện vọng mong muốn từ hai phía. Những hạn chế đó đều tác động, ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả của quá trình hợp tác, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của mỗi nước. Nguyên nhân của những hạn chế trên là do sự giao lưu, hiểu biết, chia sẻ lẫn nhau giữa nhân dân hai nước còn có phần hạn chế. Việt Nam và Thái Lan trong giai đoạn đầu của tiến trình hợp tác, do tập trung vào việc thúc đẩy chính trị, ngoại giao, xây dựng lòng tin nên hợp tác giáo dục, văn hóa chưa có điều kiện phát triển toàn diện. Hơn thế, hai nước

cũng đều chịu tác động cuộc khủng hoảng tài chính khu vực... Bởi vậy những hạn chế trong quá trình hợp tác là điều không tránh khỏi.

5. Để tiếp tục phát huy các thành tựu đạt được, khắc phục những hạn chế trong tiến trình hợp tác giáo dục - văn hóa nói riêng và hợp tác toàn diện Việt Nam - Thái Lan nói chung, hai nước cần điều chỉnh chiến lược, đổi mới phương thức hợp tác cho phù hợp. Hai nước cần mở rộng hợp tác song phương giữa các trường đại học, đặc biệt là các cơ sở giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam và Thái Lan nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng, lành nghề và đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của hai nước.

Chính phủ hai nước cũng cần có kế hoạch cụ thể chỉ đạo các cơ quan chuyên trách về văn hóa, giáo dục tăng cường phối hợp dạy Tiếng Việt cho người Thái Lan và dạy Tiếng Thái cho người Việt Nam.

Cộng đồng người Việt ở Thái Lan có một vai trò rất quan trọng trong quan hệ hợp tác Việt Nam - Thái Lan nói chung và hợp tác trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục nói riêng. Vì vậy, Việt Nam cần có các chính sách phù hợp, phát huy những đóng góp tích cực của Việt kiều đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, giúp họ trở thành những “*sứ giả văn hóa*” - nhịp cầu nối thúc đẩy hợp tác văn hóa Việt Nam - Thái Lan. Các Hội Việt kiều cần có những chủ trương đúng đắn, cụ thể trên cơ sở coi trọng tình cảm Việt - Thái, tôn trọng pháp luật, phong tục tập quán của nước bạn, đồng thời, đoàn kết nội bộ xây dựng cuộc sống ổn định tại nước bạn.

6. Hợp tác giáo dục, văn hóa Việt Nam - Thái Lan (1986 - 2015) đã tạo nên một bước tiến, đưa quan hệ hai nước sang một trang mới trong thế kỉ XXI. Những thành tựu đã đạt được sẽ là cơ sở, nền tảng để hai nước củng cố quan hệ láng giềng hữu nghị và đưa quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Thái Lan lên một tầm cao mới trong tương lai.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thanh Bình, Phan Thanh Bình (2001), “Triển lãm Mĩ thuật 5 trường đại học Mĩ thuật Việt Nam - Thái Lan”, *Tạp chí sông Hương* số 153.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo số 7998/BGDĐT - QHQT, ngày 1 - 9 - 2008, chuẩn bị nội dung đón đoàn Bộ trưởng Thái Lan sang thăm chính thức, Tài liệu lưu tại Bộ GD&ĐT.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Hướng dẫn về quan hệ quốc tế trong giáo dục và đào tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Sách giáo khoa Địa lý 8*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Đặng Văn Chương, Trần Quốc Nam (2007), “Hoạt động yêu nước của người Việt ở Thái Lan trong mối quan hệ với cách mạng Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* số 4.
6. Nguyễn Anh Chương (2013), “Hợp tác trong lĩnh vực văn hóa giữa Việt Nam Thái Lan từ sau năm 1991”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* số 8 (161).
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI* (1987), Nxb Sự thật, Hà Nội.
8. Nguyễn Huy Hồng, Nguyễn Hoàng Kim (1983), *Thái Lan: Những sự kiện lịch sử 1945 - 1975*, Viện Đông Nam Á, Hà Nội.
9. Vũ Dương Huân (2001), *Hội thảo quan hệ Việt Nam - Thái Lan hướng tới tương lai*, Học viện Quan hệ quốc tế Hà Nội.
10. Nguyễn Diệu Hùng (2001), “Quan hệ Việt Nam - Thái Lan từ đầu thập kỉ 90 (thế kỷ XX) tới nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* số 4.
11. Hà Lê Huyền (2015), “Hợp tác giáo dục - đào tạo giữa các trường đại học của Thái Lan và Việt Nam đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* số 3.
12. Hà Lê Huyền (2015), “Lịch sử quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước năm 1991”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* số 11.

13. Nguyễn Công Khanh (2009), “Có một phong trào giáo dục “gia đình học hiệu” trong cộng đồng người Thái gốc Việt ở Thái Lan”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 11.
14. Trần Khánh (2002), *Liên Kết ASEAN trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội
15. Nguyễn Tương Lai (2001), *Quan hệ Việt Nam - Thái Lan trong những năm 90*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội
16. Đinh Xuân Lâm (2003), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục Hà Nội.
17. *Lịch sử thống trị Thái Lan*, tài liệu dịch của Viện nghiên cứu Đông Nam Á, tập 2.
18. Ngô Sĩ Liên (1987), *Đại Việt sử kí toàn thư* tập 1, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
19. Phan Ngọc Liên (1994), *Hồ Chí Minh - Những hoạt động quốc tế*, Nxb Quân đội nhân dân Hà Nội.
20. Phạm Nguyên Long, Nguyễn Tương Lai (1998), *Lịch sử Thái Lan*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
21. Lê Văn Lương (2001), “Việt Nam và Thái Lan: Tiến tới mối quan hệ đối tác ổn định, lâu dài trong thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế* số 3 (40).
22. Trần Đình Lưu (2004), *Việt kiều Lào - Thái với quê hương*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Mai (2013), *Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam về hợp tác giáo dục - đào tạo với các nước ASEAN từ năm 1995 – 2010*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Phạm Quang Minh (2012), *Chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam (1986 - 2010)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

25. Nguyễn Thu Mỹ (1991), “Chính sách “Biển Đông Dương từ chiến trường thành thị trường” và tác động của nó tới quan hệ kinh tế Thái Lan – Đông Dương”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* số 4.
26. Hoàng Khắc Nam (2007), *Quan hệ Việt Nam - Thái Lan 1976 - 2000*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
27. Lương Ninh (chủ biên), (2005), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
28. Vũ Dương Ninh (2014), *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 - 2010*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật Hà Nội.
29. Vũ Dương Ninh (2004), *Việt Nam - ASEAN quan hệ đa phương và song phương*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội
30. Vũ Dương Ninh (1990), *Vương Quốc Thái Lan: Lịch sử và hiện tại*, Trường Đại học tổng hợp Hà Nội.
31. Phim tài liệu, *Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm Vương quốc Thái Lan*, Truyền hình thủ đô ngày 27 - 9 - 2014.
32. Phim tài liệu, *Hồ Chí Minh - Lãnh tụ vĩ đại của Việt Nam (Legend of the world)* do Đài Truyền hình NBT của Chính phủ Thái Lan xuất bản 12 - 9 - 2010.
33. Nguyễn Hồng Quang (2011), “Quá trình bảo lưu và hội nhập văn hóa cộng đồng người Việt ở Đông Bắc Thái Lan”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 5.
34. Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Tương Lai (2001), “25 năm quan hệ Việt Nam - Thái Lan”, *Hội thảo quan hệ quốc tế Việt Nam - Thái Lan hướng tới tương lai*, Học viện quan hệ quốc tế, Hà Nội.
35. Phạm Đức Thành (chủ biên) (2012), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
36. Phạm Đức Thành (chủ biên) (1998), *Việt Nam - ASEAN: Cơ hội và thách thức*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.

37. Trịnh Diệu Thìn, Thanyathip Sripana (2006), *Việt kiều trong mối quan hệ Việt Nam - Thái Lan*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
38. Vũ Xuân Trường (2001), “Việt Nam - Thái Lan trong các chương trình đa biên phát triển sông Mê Công”, *Hội thảo quan hệ Việt Nam - Thái Lan hướng tới tương lai*, Học viện quan hệ quốc tế, Hà Nội.
39. Thananan Boonwana (2008), *Quan hệ Thái Lan - Việt Nam (1976 - 2004)*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
40. Thananan Boonwana (2008), “Vấn đề Thái Lan công nhận chính phủ Bảo Đại năm 1950”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4.
41. Thanyathip Sripana (2001), “25 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Thái Lan - Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6.
42. Nguyễn Khắc Viện (1988), *Thái Lan: Một số nét chính về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa và lịch sử*, Nxb Thông tin lý luận Hà Nội.
43. Viện Sử học (1987), *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

#### ***Các trang Web***

44. <http://baobinhphuoc.com.vn/Content/thai-lan-viet-nam-tang-hop-tac-giao-duc-huong-nghiep-26239>
45. <http://dangcongsan.vn/thoi-su/khai-giang-lop-tieng-viet-danh-cho-phong-vien-bao-chi-thai-lan-168029>
46. <http://dienbientv.vn/tin-tuc-su-kien/chinh-tri/201502/dien-bien-tang-cuong-hop-tac-huu-nghi-voi-cac-tinh-bac-thai-lan-2369966/>
47. <http://giaoducthoidai.vn/giao-duc/dau-moc-hop-tac-giao-duc-viet-nam-thai-lan-755861.html>
48. <http://mcve.org.vn/2017/03/23/thiet-lap-quan-he-hop-tac-giua-bao-tang-van-hoa-cac-dan-toc-viet-nam-va-trung-tam-ho-tro-quooc-te-ve-nghe-thuat-va-do-dan-thai-lan-sacict/>

49. <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p0/c69/n7449/Thai-Lan-trao-tang-phim-tai-lieu-ve-Bac-Ho.html>.
50. <http://ussh.vnu.edu.vn/d6/vi-VN/news2/Truong-DHKHXHNV-dat-quan-he-hop-tac-voi-Dai-hoc-Thamasat-1-702-5834>

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC GIÁO DỤC VIỆT NAM - THÁI LAN (1986 - 2015)

Hình ảnh 1: Hội nghị Bộ trưởng Việt Nam - Thái Lan lần thứ 6



(Nguồn: Cổng thông tin điện tử Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Đà Nẵng)

Hình ảnh 2: Lễ kí kết Bản ghi nhớ hợp tác (MOU) giữa Đại học Cần Thơ và Đại học SurathanRajabhat (18 - 2 - 2014)



(Nguồn: <https://ctu.edu.vn>, website Đại học Cần Thơ)

**Hình ảnh 3: Lễ ký kết biên bản ghi nhớ giữa Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế với Trường Đại học Buriram Rajabhat của Thái Lan ( 10 - 06 - 2015)**



(Nguồn: <http://hucfl.edu.vn>, webservice Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế)

**Hình ảnh 4: Học viện Quản lý giáo dục tổ chức buổi tiếp đón đoàn nghiên cứu thuộc Trung tâm Giáo dục Nakhon Si Thammarat, Đại học Pathumthani, Thái Lan năm 2015**



(Nguồn: <http://www.niem.edu.vn>, Webservice Học viện QLGD)

**PHỤ LỤC 2: MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VĂN HÓA  
VIỆT NAM - THÁI LAN (1986 – 2015)**

**Hình ảnh 1: Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại tỉnh Nakhon Phanom của Thái Lan**



*(Nguồn: Cổng thông tin điện tử Báo Nhân Dân)*

**Hình ảnh 2: Lễ khánh thành Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại tỉnh Udonthani của Thái Lan**



*(Nguồn: Dantri.com.vn)*



**Hình ảnh 3: Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam tiếp nhận hiện vật và tư liệu do Bộ Văn hóa Thái Lan gửi tặng**



*PGS.TS. Võ Quang Trọng tiếp nhận hiện vật*

*05 búp bê trong trang phục và tư thế múa truyền thống*



*Đĩa DVD về trình diễn văn hóa nghệ thuật của người Thái Lan*



*Mặt nạ sử dụng trong lễ rước Phi Ta Khon của Thái Lan*

*(Nguồn: <http://www.vass.gov.vn>)*

**Hình ảnh 4: Khai mạc giao lưu văn hóa và giới thiệu sản phẩm giữa tỉnh Điện Biên với 4 tỉnh Bắc Thái Lan**



(Nguồn: <http://dic.gov.vn>, website Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Điện Biên)

**Hình ảnh 5: Triển lãm mỹ thuật đương đại 5 trường Đại học Mỹ thuật của Việt Nam và Thái Lan**



(Nguồn: <http://www.tapchisonghuong.com.vn>)

**Hình ảnh 6: Các cuốn sách văn học Việt Nam: “Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, Nhật ký Đặng Thùy Trâm” được dịch giả Morita Rato dịch ra tiếng Thái**



(<http://www.tapchisonghuong.com.vn>)

**Hình ảnh 7: Hợp báo và giới thiệu cuốn sách: “Hoa sen nở trong dòng chảy văn học”**



(Nguồn: <http://tonvinhvanhoadoc.com.vn>)

**Hình ảnh 8: Lễ kí kết bản ghi nhớ về trao đổi báo chí đầu tiên giữa Hội nhà báo Việt Nam và Thái Lan năm 2014**



*(Nguồn: cổng thông tin điện tử Báo Nhân Dân)*

**Hình ảnh 9: Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật Thừa Thiên Huế tham dự lễ hội "Rajabhat lower Isan Cultural Festival to ASEAN" Thái Lan.**



*(Nguồn: <http://www.tapchisonghuong.com.vn>)*